




HPC THAC BA

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



*Khởi nguồn thủy điện*

*Chắp sáng tương lai*



*Với tất cả sự khiêm tốn của mình, chúng tôi tự hào và hãnh diện khi đang sống và làm việc tại Thủy điện Thác Bà - “Đứa con đầu lòng” của ngành Thủy điện Việt Nam - mốc son ngời sáng chiến công, mang đậm dấu ấn lịch sử ngay từ những ngày đầu khi nhà máy xây dựng và vận hành dưới làn bom đạn; đây là kỳ tích của ngành điện, là niềm kiêu hãnh và tự hào của Đất nước.*

**MỤC LỤC**
**PHẦN MỞ ĐẦU A1**

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 Một số chỉ tiêu chính  
 Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi

**THÔNG TIN CHUNG A2**

1. Thông tin chung về công ty
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban Lãnh đạo
5. Vị thế
6. Định hướng phát triển
7. Rủi ro

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM B**

1. Tình hình hoạt động SXKD trong năm 2020
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC C**

1. Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh năm 2020
2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HĐQT D**

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020
2. Tổng kết nhiệm kỳ thứ III (2016-2021)
3. Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2021 - 2026)

**QUẢN TRỊ CÔNG TY E**

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BTGD
4. Tăng cường quản trị công ty
5. Quản trị rủi ro

**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG F**

1. Mục tiêu phát triển bền vững
2. Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
3. Các chỉ tiêu Phát triển bền vững

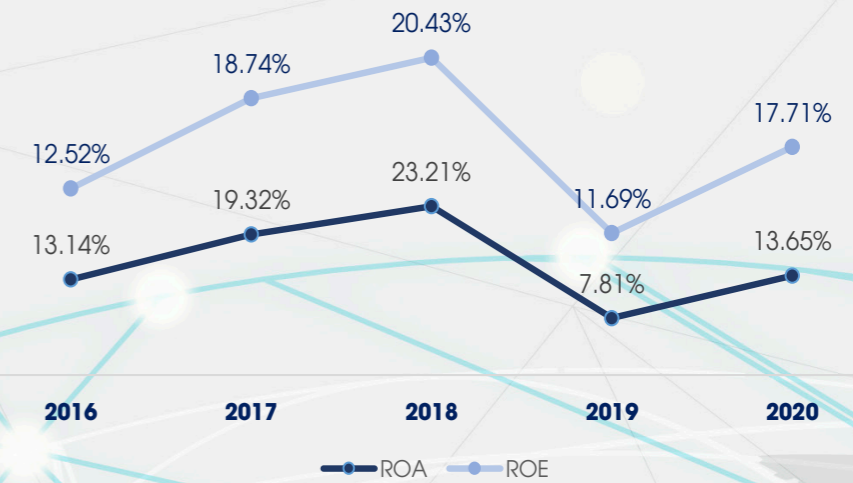
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
**DANH MỤC VIẾT TẮT**

|                |   |
|----------------|---|
| <b>ATVSLĐ</b>  | An toàn vệ sinh lao động  |
| <b>BKS</b>     | Ban Kiểm soát   |
| <b>BTGD</b>    | Ban Tổng Giám đốc   |
| <b>BCTC</b>    | Báo cáo tài chính   |
| <b>Công ty</b> | Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà   |
| <b>CNTT</b>    | Công nghệ thông tin   |
| <b>CTCP</b>    | Công ty cổ phần   |
| <b>DT</b>      | Doanh thu   |
| <b>DTT</b>     | Doanh thu thuần   |
| <b>DVKT</b>    | Dịch vụ kỹ thuật  |
| <b>ĐKKD</b>    | Đăng ký kinh doanh  |
| <b>FIT</b>     | Feed-in-tariff (cơ chế chính sách khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng tái tạo) |
| <b>ĐHĐCĐ</b>   | Đại hội đồng cổ đông  |
| <b>EVN</b>     | Tập đoàn Điện lực Việt Nam  |
| <b>GDP</b>     | Tổng sản phẩm quốc nội  |
| <b>HĐQT</b>    | Hội đồng quản trị   |
| <b>KT</b>      | Kỹ thuật  |
| <b>KH</b>      | Khách hàng  |
| <b>LN</b>      | Lợi nhuận   |
| <b>LNST</b>    | Lợi nhuận sau thuế  |
| <b>NLĐ</b>     | Người lao động  |
| <b>NMTĐ</b>    | Nhà máy thủy điện   |
| <b>MHP</b>     | Công ty cổ phần Thủy điện Mường Hum   |
| <b>ROA</b>     | Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản   |
| <b>ROE</b>     | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu   |
| <b>SX</b>      | Sản xuất  |
| <b>SXKD</b>    | Sản xuất kinh doanh   |
| <b>TBC</b>     | Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà   |
| <b>TBC2</b>    | Công ty cổ phần đầu tư Thủy điện Thác Bà 2  |
| <b>TGD</b>     | Tổng Giám đốc   |
| <b>TNDN</b>    | Thu nhập doanh nghiệp   |
| <b>TTDVKT</b>  | Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật  |
| <b>VCSH</b>    | Vốn chủ sở hữu  |
| <b>UBND</b>    | Ủy ban nhân dân   |
| <b>KT/ĐL</b>   | Số liệu kiểm toán và kết quả độc lập (riêng của Công ty)                                |
| <b>KT/HN</b>   | Số liệu kiểm toán và kết quả hợp nhất   |

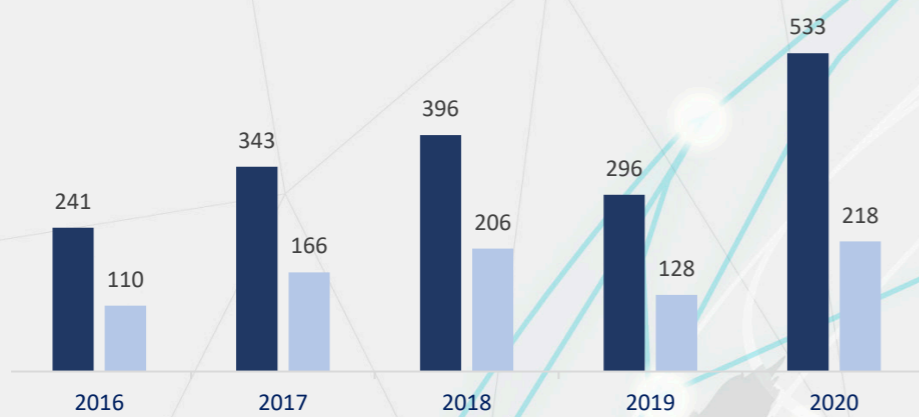
# MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

| Chỉ tiêu           | 2016<br>(KT/ĐL) | 2017<br>(KT/ĐL) | 2018<br>(KT/ĐL) | 2019<br>(KT/HN) | 2020<br>(KT/HN) | Tăng trưởng<br>2020/2019 |
|--------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|--------------------------|
| Doanh thu thuần    | 241             | 343             | 396             | 296             | 533             | 80,07%                   |
| Lợi nhuận sau thuế | 110             | 166             | 206             | 128             | 218             | 70,31%                   |
| Tổng tài sản       | 880             | 888             | 1.006           | 1.641           | 1.599           | -2,56%                   |
| Vốn chủ sở hữu     | 838             | 861             | 885             | 1.146           | 1.233           | 7,59%                    |
| ROA                | 13,14%          | 19,32%          | 23,21%          | 7,81%           | 13,65%          | 74,78%                   |
| ROE                | 12,52%          | 18,74%          | 20,43%          | 11,69%          | 17,71%          | 51,50%                   |

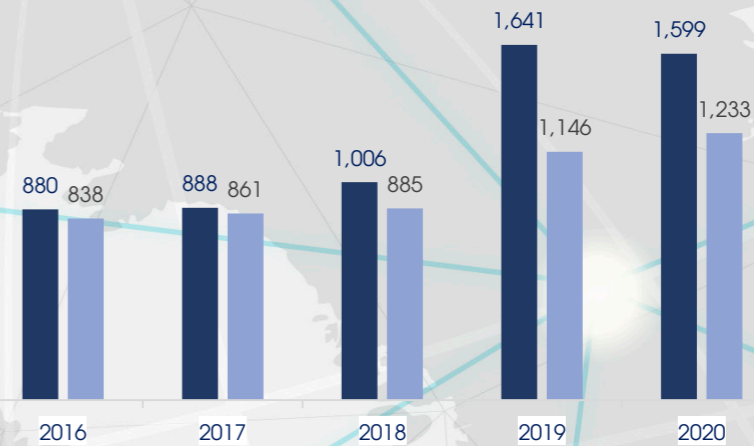
### Khả năng sinh lời



### Doanh thu thuần & Lợi nhuận sau thuế



### Tổng tài sản & Vốn chủ sở hữu



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## **Kính thưa Quý cổ đông,**

*Thay mặt Ban lãnh đạo, tôi xin gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến quý vị - những người đã dành sự ủng hộ cho Công ty trong suốt thời gian qua.*

Năm 2020 là một năm rất đặc biệt với nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu đã giáng một cú sốc mạnh đến mọi lĩnh vực. Tuy chịu tác động mạnh của dịch bệnh, nhưng dưới sự lãnh đạo khéo léo và quyết liệt của Đảng và Nhà nước, Việt Nam nổi lên như một điểm sáng trên bản đồ thế giới khi sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ và người dân đã giúp Việt Nam nhanh chóng kiểm soát và tăng trưởng kinh tế đạt mức dương 2,9%, thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Hòa chung đặc thù của ngành thủy điện, nắng nóng đạt đỉnh vào những tháng đầu năm khiến lượng nước về hồ Thác Bà sụt giảm, trực tiếp làm giảm sản lượng điện sản xuất. Tuy nhiên, 6 tháng cuối năm thời tiết được đánh giá là đã thuận lợi hơn do ảnh hưởng bởi gió mùa Đông Bắc và hoàn lưu bão nên mức nước dự trữ tại hồ Thác Bà đã tăng trở lại. Tận dụng những chuyển biến tích cực của thời tiết, Thủy điện Thác Bà đã nhanh chóng tăng gia sản xuất và đạt được những con số tăng trưởng ấn tượng. Tổng doanh thu hợp nhất Công ty năm vừa qua đạt hơn 550 tỷ đồng đạt 121% kế hoạch đề ra, sản lượng điện thương phẩm của nhóm Công ty đạt 551,97 triệu kWh, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt hơn 218 tỷ đồng, tăng 70% so với năm 2019. Các nhà máy sản xuất được vận hành một cách an toàn và hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng điện quốc gia cũng như đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Chính sách đối với người lao động tiếp tục được giữ vững và cải thiện so với năm trước. Các hoạt động vì lợi ích cộng đồng thường xuyên được tổ chức, thể hiện mức độ trách nhiệm đối với xã

hội của Công ty luôn ở mức cao.

## **Thưa quý vị,**

Trải qua gần 50 năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà luôn mang trên mình một sứ mệnh lớn lao: "Khởi nguồn thủy điện - Thắp sáng tương lai"; để có thể mang lại nguồn điện chất lượng đến từng hộ gia đình, từng cơ sở sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam, để từ nguồn điện đó phát lên ánh sáng của thịnh vượng, của hạnh phúc, để từ nguồn điện đó, không ai bị bỏ lại phía sau.

Bước sang năm 2021, một thời kỳ mà xã hội tiếp tục duy trì trạng thái bình thường mới, TBC đã và đang áp dụng các kế hoạch đầu tư phát triển gia tăng năng lực sản xuất mới, theo đuổi mục tiêu tăng trưởng quy mô bền vững trong lĩnh vực thủy điện, duy trì và tạo dựng mối quan hệ chiến lược với các đối tác, khách hàng, cải thiện mức phúc lợi, an sinh xã hội cho người lao động và luôn làm tròn trách nhiệm với cổ đông, với cộng đồng. Tất cả những điều này sẽ có thể được hiện thực hóa khi có sự hợp tác nhất quán giữa một bộ máy quản trị chính trực, liêm khiết, một đội ngũ cán bộ công nhân viên trung thành, nhiệt huyết và đặc biệt là những Quý Cổ đông của Thủy điện Thác Bà, những người đã luôn đồng hành và hỗ trợ Công ty.

Thay mặt ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý Cổ đông, các đối tác và tập thể người lao động tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà và các công ty con đã luôn tin tưởng và gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua.

## **Trân trọng!**

## **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



Nguyễn Quang Quyền



## TÂM NHÌN

Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, TBC sẽ tạo dựng năng lực cạnh tranh cao nhất để vượt qua khó khăn, thách thức tạo nên cơ hội phát triển nhanh và bền vững, phấn đấu trở thành đơn vị uy tín hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất điện và cung cấp dịch vụ kỹ thuật.

## SỨ MỆNH

Đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả kinh tế cao nhất; tham gia điều tiết nước hồ chứa, phòng chống lũ lụt, hạn hán cho hạ du; mở rộng đầu tư, tăng cường cung cấp các dịch vụ để tăng lợi ích cho cổ đông, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước và thực hiện công tác an sinh xã hội.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**CHẤT LƯỢNG - TÍN NHIỆM:** Trong thời đại của nền kinh tế tri thức. Ngành điện không những là khởi đầu, mà phải cùng với tiến bộ của khoa học kỹ thuật, tạo nên sản phẩm có chất lượng tốt. Từ nhận thức đó, TBC cam kết: giữ trọn niềm tin bằng sự tín nhiệm của khách hàng, đối tác và xã hội.

**TẬN TÂM - TRÍ TUỆ:** Con người TBC tận tâm trong công việc. Cùng với kiến thức chuyên ngành vững vàng, kỹ năng thành thạo, phát huy năng lực trí tuệ nhằm đạt năng suất lao động cao nhất. TBC mong muốn xây dựng hình ảnh của mình bằng sự tận tâm và trí tuệ.

**HỢP TÁC - CHIA SẺ:** TBC luôn lắng nghe, sẵn sàng hợp tác, chia sẻ và tích cực hành động vì lợi ích của khách hàng, của đối tác và của người lao động. Đây là giá trị phong cách làm việc của TBC.

**SÁNG TẠO - HIỆU QUẢ:** Sáng tạo là đòn bẩy cho sự phát triển, TBC luôn cố gắng phấn đấu và duy trì môi trường làm việc thuận lợi nhất để phát huy sức sáng tạo của người lao động; TBC không thỏa mãn với kết quả đã đạt được, mà luôn tích cực tìm hiểu, học hỏi, làm chủ kỹ thuật, công nghệ hiện đại, vận dụng những phương pháp quản trị tiên tiến cùng với sức mạnh của sự đoàn kết để đạt được năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.



*Người lao động TBC say mê lao động, không ngừng nỗ lực, sáng tạo. Sau gần 50 năm hoạt động, từ những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho đến thời kỳ đổi mới, Thủy điện Thác Bà luôn khẳng định được vị thế, vai trò là một trong những nguồn điện chủ lực của hệ thống điện Quốc gia, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

An aerial photograph of a large dam and reservoir. The dam is a long, curved concrete structure with a central spillway. The reservoir is filled with clear blue water and is surrounded by lush green mountains. In the foreground, there are some buildings and a road. The sky is clear and blue.

## PHẦN A2

### THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về doanh nghiệp
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban Lãnh đạo
5. Vị thế
6. Định hướng phát triển
7. Rủi ro



# 1. THÔNG TIN CƠ BẢN

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Vốn điều lệ: 635.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0216.3884.116

Fax: 0216.3884.167

Website: [www.thacba.vn](http://www.thacba.vn)

Mã cổ phiếu: TBC (sàn HOSE)

## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1971

### Thành lập Nhà máy

Công ty được thành lập theo Quyết định số 244 ĐT-NCQLKT-1 của Bộ trưởng Điện và Than. Tháng 10/1971, nhà máy chính thức khởi động tổ máy số 1 và hòa lưới điện quốc gia.



1993

### Hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I

Nhà máy Thủy điện Thác Bà được chuyển thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I theo Quyết định số 478 NL/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Năng lượng.



1995

### Thủy điện Thác Bà được chuyển về Tổng công ty Điện lực Việt Nam

Bộ trưởng Năng lượng ra Quyết định số 100/NL/ TCCB-LĐ chuyển công ty Thủy điện Thác Bà về Tổng công ty Điện lực Việt Nam.



2005

### Cổ phần hóa

Ngày 30/3/2005: Chuyển Nhà máy Thủy điện Thác Bà thành Công ty Thủy điện Thác Bà. Ngày 24/10/2005: Phê duyệt quyết định Chuyển Công ty Thủy điện Thác Bà thành Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

2006

### Ngày 31/3/2006

Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

### Ngày 29/08/2006

Cổ phiếu của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TBC.



2009

### Niêm yết cổ phiếu TBC trên sàn HOSE

Ngày 19/10/2009, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán TBC.



2010

### Thành lập chi nhánh - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật

Công ty thành lập chi nhánh - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật với nhiệm vụ sửa chữa thiết bị, công trình của nhà máy Thủy điện Thác Bà và thực hiện các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật với khách hàng.

2019

### Đầu tư, mở rộng quy mô SXKD

Tháng 11/2019, CTCP Thủy điện Thác Bà hoàn tất giao dịch mua lại cổ phần của CTCP Thủy điện Mường Hum (MHP) với công suất 34.8 MW, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm tháng 11 là 50,94% vốn điều lệ của MHP. MHP chính thức trở thành công ty con của TBC.



## 2. NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH



### Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất và kinh doanh điện năng



### Các ngành nghề khác:

Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp; thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện



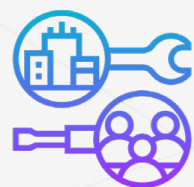
Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị



Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện



Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện



Bồi dưỡng, đào tạo quản về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện



Kinh doanh dịch vụ du lịch.

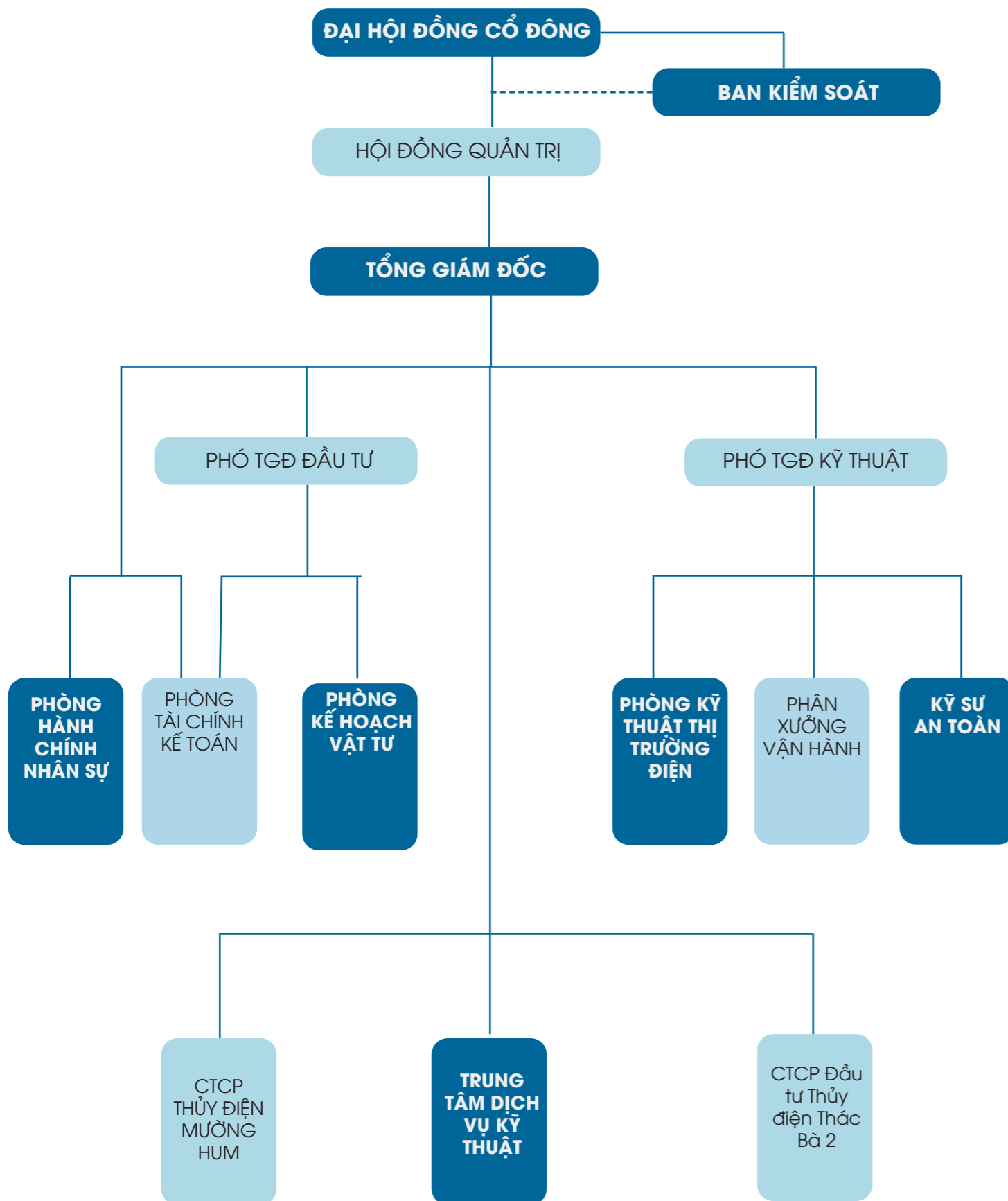
### Địa bàn kinh doanh



**CTCP Thủy điện Thác Bà là đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Thác Bà thuộc địa phận huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái**

### 3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

#### Sơ đồ bộ máy quản lý



#### Mô hình quản trị

##### Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ họp mỗi năm ít nhất 1 lần nhằm quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty Quy định.

##### Hội đồng quản trị:

ĐHQT do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số thành viên của ĐHQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. ĐHQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

##### Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và

điều hành của Công ty. Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên.

##### Tổng Giám đốc điều hành:

Do ĐHQT bổ nhiệm có nhiệm vụ điều hành việc sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty đã được ĐHQT và ĐHĐCĐ thông qua, chịu sự chỉ đạo, giám sát của Chủ tịch ĐHQT và chịu trách nhiệm trước ĐHQT và Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

##### Phó Tổng Giám đốc:

Do ĐHQT bổ nhiệm, giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 02 Phó Tổng Giám đốc.

#### Các bộ phận chức năng

**Phòng Hành chính nhân sự:** Tham mưu cho lãnh đạo Công ty tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; Công tác lao động tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động; Công tác Bảo vệ - Thanh tra - Pháp chế. Công tác hành chính văn phòng, lễ tân phục vụ và lưu trữ.

**Phòng Kỹ thuật - Thị trường điện:** Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật, phương thức vận hành và thị trường điện, điều hành sản xuất; phòng chống thiên tai.

**Phòng Kế hoạch - Vật tư:** Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác kế hoạch, thống kê, tổng hợp, công tác dự toán đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn các công trình, thiết bị của Công ty. Trực tiếp quản lý và cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

**Phòng Tài chính Kế toán:** Tham mưu cho lãnh đạo Công ty công tác quản lý tài chính, nguồn vốn và hạch toán kế toán theo quy định Pháp luật.

**Phân xưởng Vận hành:** Là đơn vị có chức năng

trực tiếp quản lý, vận hành dây chuyền SX điện theo quy trình, quy phạm, KH và phương thức huy động của điều độ các cấp. Quản lý thiết bị, tài sản theo quy định được phân giao.

**Trung tâm dịch vụ kỹ thuật:** Là chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà, là đơn vị trực tiếp sản xuất, có chức năng thực hiện các hoạt động sửa chữa, quản lý các công trình, thiết bị phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà và cung cấp các DVKT bao gồm: Đào tạo, vận hành, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, lắp đặt... cho các nhà máy thủy điện.

**Kỹ sư an toàn:** Tham mưu cho lãnh đạo công ty công tác các công tác Quản lý kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, PCCN và bảo vệ môi trường

## Thông tin về công ty con, công ty liên kết:

### Công ty con

| Tên công ty                         | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Địa chỉ trụ sở  | Hoạt động tài chính trong năm    |
|-------------------------------------|---------------|------------------|---|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum | 50,94%        | 50,94%           | Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào cai, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh điện năng |

### Công ty liên kết

| Tên công ty                                | Cam kết góp vốn | Tỷ lệ biểu quyết | Địa chỉ trụ sở   | Hoạt động tài chính trong năm    |
|--|-----------------|------------------|--|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | 49%             | 49%              | Tổ dân phố 1, thị trấn Thác bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái | Đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2 |





## 4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

### 4.1. Hội đồng quản trị

#### Ông Nguyễn Quang Quyền - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh 1972

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ QTKD

Số CP sở hữu/đại diện: 0

Tỷ lệ sở hữu: 0%

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Phó Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung.

#### Ông Lê Tuấn Hải - TV HĐQT

Năm sinh 1970

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Hệ thống điện

Số CP sở hữu/đại diện: 0

Tỷ lệ sở hữu: 0%

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Giám đốc Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển điện NT Trà Vinh;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

#### Ông Hồ Văn Trung - TV HĐQT

Năm sinh 1977

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ QTKD; Kỹ sư Điện - điện tử

Số CP sở hữu/đại diện: 7,620,000 (đại diện phần vốn của GENCO3 tại TBC)

Tỷ lệ sở hữu: 12%

Chức vụ tại các tổ chức khác

Phó Trưởng ban Đầu tư Xây dựng thuộc Tổng công ty Phát điện 3 CTCP.

#### Ông Nguyễn Văn Quyền- TV HĐQT kiêm TGD

Năm sinh 1966

Trình độ chuyên môn Kỹ sư hệ thống điện - Cử nhân QTKD

Số CP sở hữu/đại diện: 11.430.000 (đại diện phần vốn của GENCO3 tại TBC)

Tỷ lệ sở hữu: 18%

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không



## 4.2. Ban Kiểm soát

### Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương - Trưởng BKS

Năm sinh 1973  
 Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế  
 Số CP sở hữu/đại diện: 0  
 Tỷ lệ sở hữu: 0%  
 Chức vụ tại các tổ chức khác  
 -Chuyên viên Ban Kiểm soát Nội bộ và Quản Lý Rủi Ro - CTCP Cơ điện lạnh.  
 -Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Trà Vinh.  
 -Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Phong Điện Thuận Bình  
 -Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Hạ Tầng và Bất Động Sản Việt Nam  
 -Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Thủy Điện Sông Ba Hạ.

### Bà Trần Nguyễn Khánh Linh - TV BKS

Năm sinh 1991  
 Trình độ chuyên môn Cử nhân TC - NH  
 Số CP sở hữu/đại diện: 0  
 Tỷ lệ sở hữu: 0%  
 Chức vụ tại các tổ chức khác  
 Ban Tài chính kế toán thuộc Tổng công ty phát điện 3 CTCP

### Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh - TV BKS

Năm sinh 1978  
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Đại học Kinh Tế - chuyên ngành Kế toán-Kiểm Toán  
 Số CP sở hữu/đại diện: 0  
 Tỷ lệ sở hữu: 0%  
 Chức vụ tại các tổ chức khác  
 -Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức;  
 -Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn;  
 -Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp;  
 -Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè.  
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn

## 4.3. Ban Điều hành

### Ông Nguyễn Văn Quyền- TGD kiêm TV HĐQT

Năm sinh 1966  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện; Cử nhân QTKD  
 Số CP sở hữu/đại diện: 11.430.000 (đại diện phần vốn của GENCO3 tại TBC)  
 Tỷ lệ sở hữu: 18%  
 Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

### Ông Nguyễn Mạnh Cường - Phó TGD

Năm sinh 1979  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đo lường và Tin học công nghiệp  
 Số CP sở hữu/đại diện: 0  
 Tỷ lệ sở hữu: 0%  
 Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

### Ông Nguyễn Thanh Hải - Phó TGD

Năm sinh 1967  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện  
 Số CP sở hữu/đại diện: 1900  
 Tỷ lệ sở hữu: 0,003%  
 Chức vụ tại các tổ chức khác:  
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh;  
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An.

### Ông Lê Hồng Minh- Kế toán trưởng

Năm sinh 1985  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán - chuyên ngành Kế toán  
 Số CP sở hữu/đại diện: 0  
 Tỷ lệ sở hữu: 0%  
 Chức vụ tại các tổ chức khác: Không



## 5. VỊ THẾ

### 5.2. Vị thế doanh nghiệp



CTCP Thủy điện Thác Bà là đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Thác Bà thực hiện khai thác thủy năng của hồ Thác Bà. Vị trí địa lý, địa hình hồ Thác Bà thuận lợi tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Một vài thông số kỹ thuật chính của hồ chứa và nhà máy:

- Vị trí: trên sông Chảy;
- Dung tích hữu ích của hồ chứa: 2.160.000.000 m<sup>3</sup>;
- Dung tích toàn bộ của hồ chứa: 2.940.000.000 m<sup>3</sup>;
- Diện tích mặt hồ ứng với mực nước bình thường: 235km<sup>2</sup>;
- Chiều dài: 80 km;
- Công suất lắp máy: 120 MW;
- Chiều cao lớn nhất của đập: 48 m;
- Chiều dài đỉnh đập lớn nhất: 657 m;

#### Nhà máy thủy điện đầu tiên ở Miền Bắc

Nhà máy thủy điện Thác Bà tự hào là đứa con đầu lòng của ngành thủy điện Việt Nam, là nhà máy thủy điện được xây dựng đầu tiên ở miền Bắc nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhà máy được khởi công từ năm 1964 và là một công trình trọng điểm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ nhất của nước ta (1960 - 1965). Nhà máy chính thức hoàn thành và đi vào hoạt động tổ máy thứ nhất từ tháng 10 năm 1971. Trải qua 48 năm hoạt động, từ những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho đến thời kỳ đổi mới, Thủy điện thác bà luôn khẳng định được vị thế, vai trò là một trong những nguồn điện chủ lực của hệ thống điện Quốc gia, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.



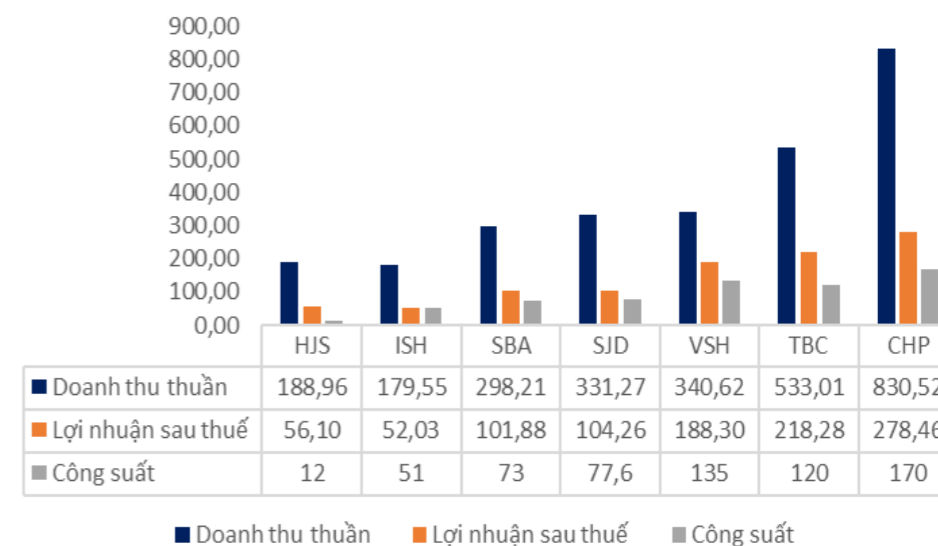
#### Công ty cổ phần hoạt động hiệu quả - Đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật điện uy tín

Nhà máy thủy điện Thác Bà có 03 tổ máy - công suất mỗi tổ là 40 MW do Viện thiết kế Thủy năng Bacu thuộc Bộ Năng lượng Liên Xô đảm nhận và hoàn chỉnh. Với tổng công suất là 120 MW, Thủy điện Thác Bà được coi là nhà máy thủy điện lớn (theo phân loại của Tổ chức Thủy điện Liên hiệp quốc). Trong quá trình dài vận hành, nhà máy đã nhiều lần được cải tạo, đại tu và nâng cấp do đó đảm bảo được sự an toàn và hiệu quả cao.

#### So sánh quy mô TBC với một số doanh nghiệp trong ngành:

ĐVT: tỷ đồng

Kết quả SXKD các doanh nghiệp cùng ngành



Nguồn: BCTC quý 4/2020 HJS, ISH, SBA, SJD, VSH, TBC, CHP

## 6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 6.1. Mục tiêu chung

- Phát triển Công ty về quy mô phát điện, duy trì tăng trưởng bền vững về doanh thu, lợi nhuận để nâng cao giá trị cho cổ đông, tối ưu hóa nguồn lực tài sản hiện có và quản lý chi phí, mở rộng đầu tư vào lĩnh vực nguồn điện;
- Vận hành nhà máy: Công trình, thiết bị được quản lý và vận hành an toàn, mang lại hiệu quả cao nhất về doanh thu và lợi nhuận. Sử dụng nguồn lực có hiệu quả để phát triển các loại hình dịch vụ là thế mạnh của Công ty.
- Quản trị Công ty minh bạch và theo các thông lệ quản trị tốt nhất.
- Quản trị Công ty con đảm bảo hoạt động hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.





## 7. RỦI RO

Trong suốt gần 50 năm gây dựng và phát triển, để có được những bước đi ngày một bút phá, bên cạnh công tác tối ưu hóa sản xuất kinh doanh, công tác quản trị rủi ro luôn là chiếc chìa khóa để chặng đường của TBC ngày một bền vững. Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ràng buộc bởi các nhân tố rủi ro như: Rủi ro về kinh tế, rủi ro thời tiết, rủi ro về biến động giá điện, các nhân tố rủi ro khác, ...

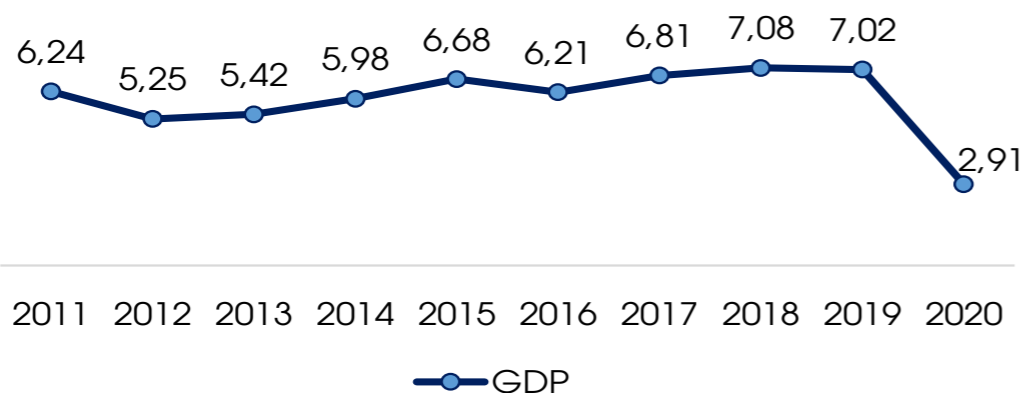
### Rủi ro kinh tế

#### Kinh tế Việt Nam 2020: Một năm tăng trưởng đầy bản lĩnh

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới.

#### GDP Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020



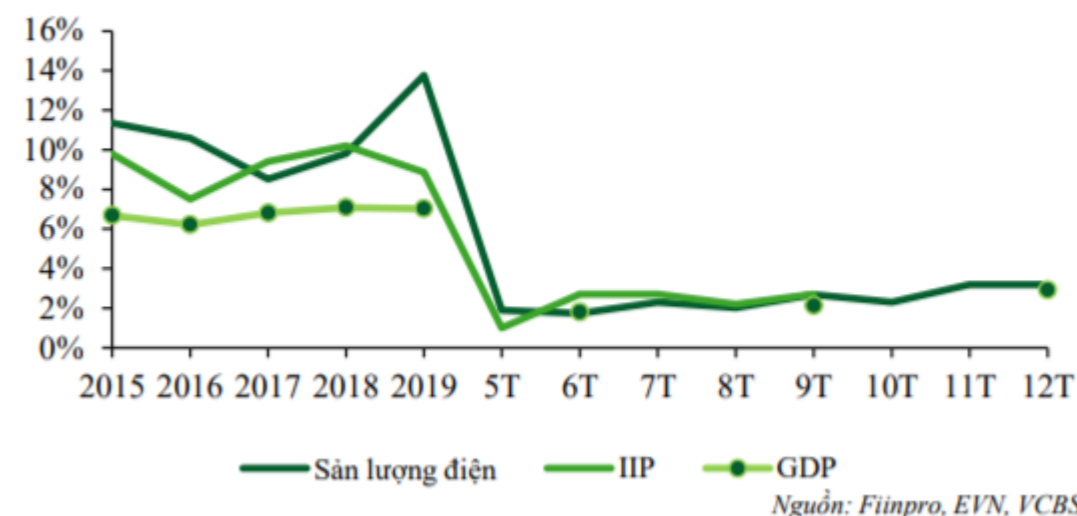
#### Triển vọng 2021

Nhu cầu điện hồi phục: Với việc kiểm soát tốt dịch Covid 19, hoạt động sản xuất của Việt Nam đã hồi phục đáng kể với chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2020 hồi phục rất tốt với mức tăng 4,7% so với 2019 và chỉ tăng 2% so với cùng kỳ tại thời kỳ 5T.2020. Kéo theo đó là nhu cầu sử dụng điện cũng tăng lại (Theo thống kê, nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất chiếm tới 53% - 55% tổng nhu cầu điện).

Năm 2021 dự báo sẽ là năm hồi phục mạnh của nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ đặt mục tiêu GDP tăng 6,5%, các tổ chức như S&P Global, World Bank dự báo GDP 2021 của Việt Nam tăng trưởng lần lượt 10,9% và 6,8% nhờ kiểm soát dịch bệnh tốt. Như vậy, nhu cầu sử dụng điện được kỳ vọng sẽ gia tăng mạnh mẽ.

Mối tương quan giữa GDP và sản lượng điện giai đoạn 5 năm trở lại đây

#### Sản lượng điện, GDP và IIP



### Rủi ro thời tiết, khí hậu

Đối với các nhà máy hoạt động trong lĩnh vực thủy điện nói chung và Nhà máy Thủy điện Thác Bà nói riêng, sản lượng điện sản xuất phụ thuộc chủ yếu vào lượng nước tại các hồ chứa. Trong trường hợp nước trong các hồ chứa bị thiếu hụt, thậm chí bị cạn nước do sự biến đổi thất thường của thời tiết như hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm trong cả mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với mức thiết kế, khiến sản lượng điện sản xuất của nhà máy không đạt mục tiêu đề ra.

Nếu như năm 2019, hiện tượng thời tiết El Nino đã có tác động rõ rệt lên hoạt động sản xuất của các nhà máy thủy điện, khi lượng mưa thấp hơn so với mức trung bình các năm thì năm 2020, hiện tượng La Nina đã quay trở lại, là cơ sở thuận lợi cho tình hình thủy văn. Theo thống kê của Công ty, mức nước hồ đầu năm 53,75m thấp hơn cùng kỳ 2019 là 3,4m, nhưng bù lại, lưu lượng nước về hồ bình quân 201,4m3/s tăng 58% so với cùng kỳ.

Để ứng phó với các biến đổi này, Công ty luôn cố gắng theo sát dự báo khí hậu và thủy văn để có phương án kịp thời nhằm vận hành hồ chứa hiệu quả, từ đó xây dựng phương án phát điện tối ưu.

Đối với các rủi ro thời tiết khác như lũ quét, mưa lớn, gây thiệt hại cho các công trình đập của nhà máy, cũng như gây ra sự cố trong việc cung ứng điện, Công ty luôn sẵn sàng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Hàng năm, công ty tổ chức Hướng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong công tác phòng chống thiên tai; Sẵn sàng ứng phó, giảm thiểu thiệt hại khi có thiên tai; Tuyên truyền sâu rộng các quy định pháp luật, kiến thức về phòng, chống thiên tai cho người lao động tạo được sự đồng thuận, ý thức chủ động trong phòng, chống thiên tai; Cổ vũ tinh thần người lao động trong công tác phòng, chống thiên tai.

## Rủ ro về biến động giá điện

Giá mua điện bình quân đối với các nhà máy thủy điện năm 2020 chỉ vào khoảng hơn 1.100 đồng/1kWh, trong khi đó, giá mua điện gió và điện mặt trời đang được nhà nước ưu đãi với giá cao hơn rất nhiều so với giá mua điện của các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, cụ thể Giá mua điện gió đối với các dự án trong đất liền là: 8,5 Uscent/1kWh tương đương 2.014 đồng/1kWh và đối với các dự án trên biển là: 9,8 Uscent/1kWh tương đương 2.322 đồng/1kWh. Giá mua điện mặt trời mới nhất đang được Chính phủ xem xét là: 7,09 - 7,69 Uscent/kWh, tương đương 1.679 đồng/1kWh - 1.822 đồng/1kWh, đối với các dự án vận hành trước ngày 30/6/2019 thì được hưởng mức rất cao là: 9,35 Uscent/1kWh tương đương 2.215 đồng/1kWh.

Như vậy, đều là nguồn năng lượng tái tạo, nhưng thủy điện vừa và nhỏ đang là nguồn năng lượng có giá mua thấp hơn rất nhiều so với năng lượng gió và mặt trời. Việc giá điện bị giảm như trên càng làm cho các doanh nghiệp thủy điện sẽ gặp rất nhiều khó khăn hơn trong tương lai.

## Rủ ro khác

Từ nhiều năm nay, lòng hồ Thác Bà do TBC trực tiếp quản lý bị xâm phạm nghiêm trọng bởi một số doanh nghiệp khi triển khai các dự án xây dựng công trình, nhà xưởng đã tự ý đổ đất, san gạt trực tiếp xuống lòng hồ, làm thu hẹp diện tích mặt nước, ảnh hưởng đến dung tích của hồ Thác Bà và vi phạm nghiêm trọng an toàn hồ chứa hồ thủy điện Thác Bà.

Để khai thác hiệu quả các giá trị lợi ích lâu dài của hồ Thác Bà, đồng thời có biện pháp bảo vệ an toàn hồ chứa công trình thủy điện Thác Bà, TBC đã và đang phối kết hợp với các cơ quan chức năng liên quan vào cuộc quyết liệt hơn để chấn chỉnh, xử lý dứt điểm hành vi san gạt, đổ đất trái phép xuống lòng hồ.





## **PHẦN B:**

# **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020**

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tổ chức và nhân sự**
- 3. Tình hình đầu tư**
- 4. Tình hình tài chính**
- 5. Cổ đông và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**



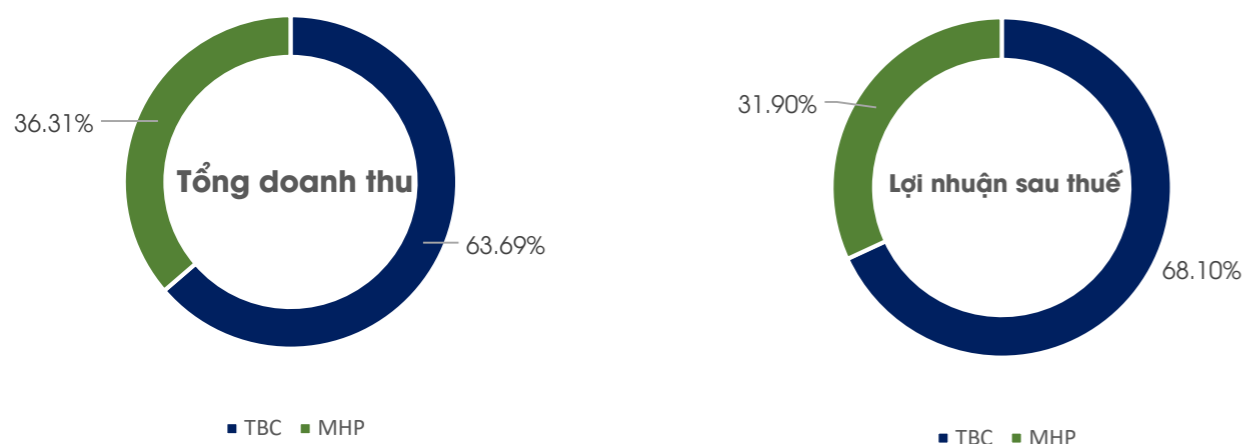


## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020

| TT                             | Chỉ tiêu                 | Thực hiện năm 2019 (KT/HN) | Kế hoạch hợp nhất năm 2020 | Thực hiện năm 2020 (KT/HN) | TH 2020/ KH2020 |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------|
| <b>I SẢN LƯỢNG ĐIỆN</b>        |                          |                            |                            |                            |                 |
| 1                              | Sản lượng điện sản xuất  | 330,91                     | 458,44                     | 551,97                     | 120%            |
| 2                              | Sản lượng điện giao nhận | 327,28                     | 451,86                     | 545,31                     | 121%            |
| <b>II TỔNG DOANH THU</b>       |                          |                            |                            |                            |                 |
|                                |                          | <b>328.055</b>             | <b>455.847</b>             | <b>550.461</b>             | 121%            |
| <b>III TỔNG CHI PHÍ</b>        |                          |                            |                            |                            |                 |
|                                |                          | <b>169.440</b>             | <b>274.611</b>             | <b>290.043</b>             | 106%            |
| <b>IV LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b> |                          |                            |                            |                            |                 |
|                                |                          | <b>158.615</b>             | <b>181.236</b>             | <b>260.418</b>             | 144%            |
| <b>VI LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>   |                          |                            |                            |                            |                 |
|                                |                          | <b>128.104</b>             | <b>150.439</b>             | <b>218.283</b>             | 145%            |
| Cổ đông Công ty mẹ             |                          | 126.736                    | 129.031                    | 180.948                    | 140%            |

### Kết quả kinh doanh theo các đơn vị sản xuất kinh doanh



### Tổng doanh thu

Năm 2020, tổng doanh thu hợp nhất của Công ty đạt hơn 550 tỷ đồng, ghi nhận sự tăng trưởng đột phá so với năm 2019 (tăng 222,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 67,8%). Sự tăng trưởng này có được là nhờ tình hình thủy văn thuận lợi, lượng nước trong hồ chứa của NMTĐ Thác Bà và Cụm NMTĐ Mường Hum Bản Xèo được cải thiện.

Doanh thu Công ty chủ yếu đến từ doanh thu sản xuất điện của các NMTĐ Thác Bà và Cụm NMTĐ Mường Hum Bản Xèo:

NMTĐ Thác Bà với tổng công suất 120 MW (03 tổ máy, công suất mỗi tổ máy là 40 MW). Sản lượng điện sản xuất năm 2020 đạt 388,94 triệu kWh, doanh thu sản xuất điện đạt 317 tỷ đồng, chiếm 88,7% tổng doanh thu của NMTĐ TBC.

Cụm NMTĐ Mường Hum Bản Xèo với công suất 34,8 MW. Sản lượng điện sản xuất đạt 163,03 triệu kWh, doanh thu sản xuất điện đạt 204,46 tỷ đồng, chiếm 97% tổng doanh thu của NMTĐ MHP.

### Lợi nhuận sau thuế

Năm 2020, công tác thị trường điện gặp nhiều khó khăn do mực nước đầu năm thấp, mặt khác, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên nhu cầu phụ tải giảm, tuy nhiên 6 tháng cuối năm thời tiết được đánh giá là đã thuận lợi hơn do ảnh hưởng bởi gió mùa Đông Bắc và hoàn lưu bão nên mực nước dự trữ tại hồ thủy điện đã tăng trở lại. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty năm 2020 đạt 218,28 tỷ đồng trong đó lợi ích của Cổ đông công ty mẹ là 180,95 tỷ đồng, tăng 50% so với kế hoạch đặt ra và tăng 70% so với năm 2019.

Đóng góp vào sự tăng trưởng tích cực này là bởi các yếu tố:

tình hình thủy văn thuận lợi, lượng nước tại hồ thủy điện được cải thiện;

NMTĐ Thác Bà được vận hành ổn định;

Cụm NMTĐ Mường Hum Bản Xèo đã hoàn thành toàn bộ việc nhận chuyển nhượng dự án bao gồm: Hoàn thiện chuyển nhượng dự án MH; hoàn thiện chuyển nhượng dự án đường dây 110kV; hoàn thành quyết toán dự án Thủy điện Bản Xèo; hoàn thiện thanh toán với bên chuyển nhượng; Hoàn thiện việc chuyển điều khiển và vận hành các tổ máy NMTĐ Bản Xèo về phòng điều khiển trung tâm của Cụm NMTĐ Mường Hum Bản Xèo.

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 2.1. Giới thiệu Ban Lãnh đạo

Đã giới thiệu tại mục 4 phần A2

### 2.2. Nhân sự và chính sách nhân sự

#### 2.2.1. Thống kê nhân sự

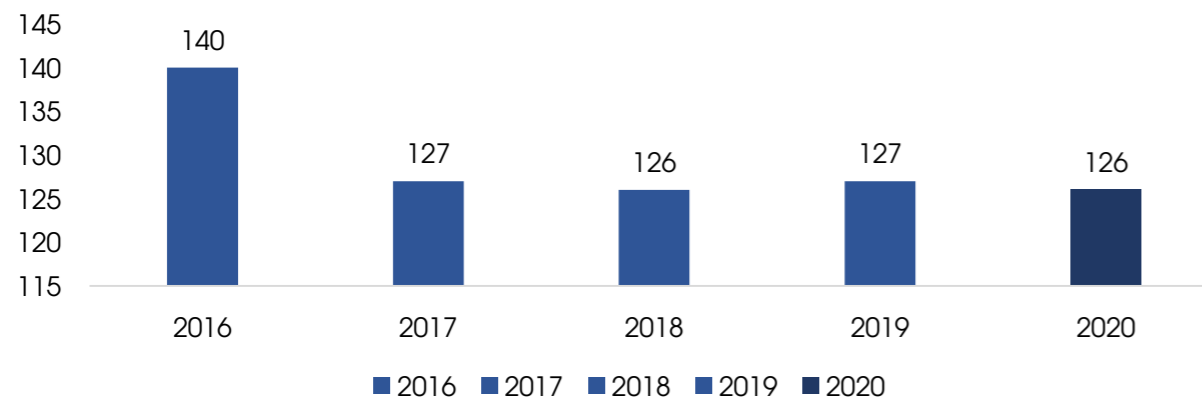
##### a. Tổ chức bộ máy

Công ty có: 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, 04 Phòng nghiệp vụ, 01 Phân xưởng vận hành và 01 Chi nhánh.



##### b. Số lượng lao động qua các năm

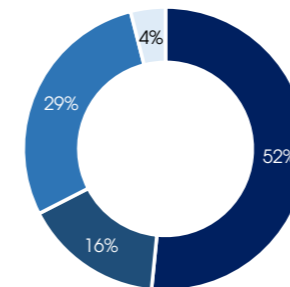
**Thống kê nhân sự giai đoạn 2016 - 2020**



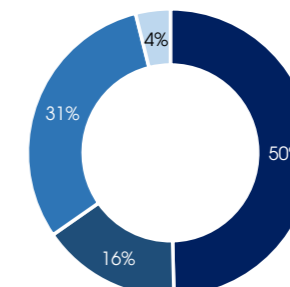
Định biên lao động của Công ty năm 2020 là 126 người. Ngày 1/1/2020 Công ty có 127 người. Tính đến thời điểm 31/12/2020 Công ty có 126 người.

### c. Cơ cấu lao động

**Cơ cấu lao động theo trình độ năm 2020**



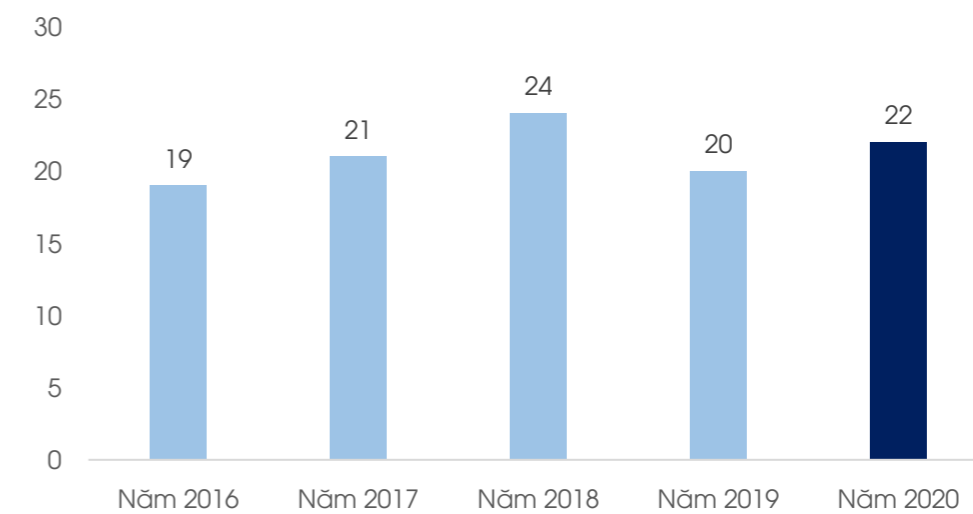
**Cơ cấu lao động theo trình độ 2019**



- Trình độ đại học và trên đại học
- Cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

### d. Thu nhập bình quân của người lao động

**Thu nhập bình quân của người lao động**



## 2.2.2. Chính sách với người lao động

Ban lãnh đạo luôn quan tâm tới công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phối hợp với các đơn vị, bộ phận để làm tốt hơn nữa việc sử dụng sắp xếp, bố trí lao động đảm bảo phát huy hết năng lực làm việc, năng suất lao động cao nhất. Ngoài ra ban lãnh đạo thường xuyên xem xét bổ sung các tiêu chí cụ thể, đo lường được trong thực hiện đánh giá năng lực NLD.

Bên cạnh đó, TBC thường xuyên tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và tăng cường đào tạo nâng cao nguồn nhân lực cho tất cả các vị trí trong Công ty để đáp ứng theo yêu cầu công mới. Nâng cao ý thức cho người lao động về tinh thần tự

thực hiện/tự giác, cải tiến và tối ưu hóa là hành động xuyên suốt quy trình sản xuất kinh doanh và việc nâng cao thu nhập phải gắn với cải thiện năng suất lao động và hiệu quả công việc thông qua những hoạt động tập thể như: Tổ chức chăm lo, hỗ trợ người lao động nhân dịp Tháng Công nhân, Tháng hành động An toàn vệ sinh lao động; Tri ân, quyên góp, xây dựng nhà ở, xóa đói giảm nghèo gia đình ông Nguyễn Viết Chén - công nhân xây dựng, đã từng tham gia xây dựng công trình Thủy điện Thác Bà giai đoạn từ năm 1967 đến năm 1968 số tiền 15.000.000 đồng; Tổ chức tập huấn công tác thị trường điện cho người lao động; Chăm lo đời sống sức khỏe cho người lao động thông qua các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19;...

### Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty; Hỗ trợ 5 năm đầu nhà ở với lao động mới tuyển

### Chính sách tuyển dụng

Coi yếu tố con người là trọng tâm chính, là những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.



## Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Với truyền thống 50 năm quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, đào tạo hướng vào việc phát triển con người toàn diện, ưu tiên khuyến khích NLD tự học tập, nâng cao trình độ. Hàng năm, Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Ngoài việc đào tạo để đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty còn thực hiện dịch vụ bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành sửa chữa cho các nhà máy điện trong khu vực Miền Bắc, Miền Trung.



### Chế độ làm việc

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định Pháp luật về lao động. Thỏa ước tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.





### 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

#### 3.1. Đầu tư xây dựng

Kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2020 của Công ty bao gồm 02 hạng mục công trình là Nâng cấp hệ thống điều khiển, đo lường, bảo vệ (DCS) với giá trị kế hoạch là 22,5 tỷ đồng; và Nâng cấp thang máy nhà 9 tầng với giá trị kế hoạch là 823 triệu đồng.

Đến thời điểm báo cáo, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng cả 2 hạng mục công trình gồm 01 hạng mục là: Nâng cấp thang máy nhà 9 tầng và 01 công trình Nâng cấp hệ thống DCS.

#### 3.2. Đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn xây dựng dự án Thủy điện Thác Bà 2 (18,9MW): Tháng 5/2020, UBND tỉnh Yên Bái đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Tháng 8/2020, HĐQT Công ty đã phê duyệt góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (TBC2) để đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Thác Bà 2 với tỷ lệ 49% vốn điều lệ của TBC2, tương ứng giá trị đầu tư là 84,7 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn đợt 1 với giá trị 5,88 tỷ đồng. Hiện tại, TBC2 đang triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư, như: trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, ĐTM, thỏa thuận đấu nối, đền bù giải phóng mặt bằng... Dự kiến công trình sẽ được khởi công vào Quý II/2021.

Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Thủy điện Mường Hum (MHP): Hiện Công ty đang nắm giữ 50,94% vốn điều lệ của MHP, tổng giá trị đầu tư là 337,4 tỷ đồng. Năm 2020, MHP có kết quả kinh doanh rất tốt: sản lượng điện đạt 163 triệu kWh (vượt 22% so với KH); doanh thu đạt 210 tỷ đồng (vượt 25% so với

KH); lợi nhuận sau thuế đạt 76,4 tỷ đồng (vượt 98% so với KH).

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Năm 2020, Công ty duy trì nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) và nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (TAH). Trong năm 2020, Công ty nhận được Cổ tức HND là 13,5% (11% cổ tức còn lại năm 2019 và 2,5% cổ tức tạm ứng năm 2020) và TAH là 10% còn lại năm 2019 (Năm 2020, TAH bị gián đoạn kinh doanh từ tháng 7/2020 do mưa bão gây sạt lở đất đá vào nhà máy, dừng phát điện để xử lý khắc phục sự cố thiên tai, TAH đã phối hợp với đơn vị Bảo hiểm và các bên liên quan để khắc phục sự cố thiên tai, đã đưa 1 tổ máy vào phát điện trở lại vào cuối tháng 01/2021 và dự kiến đưa tổ máy 2 vào tháng 4/2021 để phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh).



### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### 4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                               | 2019<br>(KT/HN) | 2020<br>(KT/HN) | So sánh 2020/2019 |
|--|-----------------|-----------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn                       | 248,7           | 289,3           | 1,16              |
| Tài sản dài hạn                        | 1.392,20        | 1.309,60        | 0,94              |
| Tổng cộng tài sản                      | 1.640,90        | 1.598,80        | 0,97              |
| Nợ phải trả                            | 495,4           | 366             | 0,74              |
| Vốn chủ sở hữu                         | 1.145,50        | 1.232,70        | 1,08              |
| Tổng cộng nguồn vốn                    | 1.640,90        | 1.598,80        | 0,97              |
| Doanh thu thuần                        | 296,9           | 533             | 1,79              |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ | 126,7           | 180,9           | 1,4               |

#### Các chỉ tiêu tài chính quan trọng

| Các chỉ tiêu tài chính                      | ĐVT  | 2019  | 2020  |
|---|------|-------|-------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>   |      |       |       |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)    | lần  | 2,05  | 3,61  |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – HTK)/Nợ NH | lần  | 2,01  | 3,56  |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>            |      |       |       |
| - Hệ số nợ/tổng tài sản                     | Lần  | 0,3   | 0,23  |
| - Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu                   | Lần  | 0,43  | 0,3   |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>    |      |       |       |
| - Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/BQ HTK)      | vòng | 27,98 | 43,37 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản              | vòng | 0,22  | 0,33  |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>     |      |       |       |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | Lần  | 0,48  | 0,34  |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)   | %    | 13,09 | 13,65 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)   | %    | 12,42 | 17,71 |



## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### 5.1. Thông tin cổ phiếu CTCP Thủy điện Thác Bà

| Tên cổ phiếu                               | Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà   |
|--|--|
| Loại cổ phiếu                              | Cổ phiếu phổ thông   |
| Mã chứng khoán                             | TBC  |
| Mệnh giá cổ phiếu                          | 10.000 đồng/ cổ phiếu  |
| Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch   | 29/8/2006, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TBC.<br>Ngày 19/10/2009, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán TBC. |
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành             | 63.500.000 cổ phiếu  |
| Tổng số cổ phiếu quỹ                       | 0 cổ phiếu   |
| Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do      | 63.500.000 cổ phiếu  |
| Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng | 0 cổ phiếu   |

### Thông tin về cổ đông lớn

| STT | Tên tổ chức/cá nhân/                       | Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ | Ngày cấp   | Địa chỉ  | Số lượng cổ phiếu/ | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|--|------------------------|------------|--|--------------------|------------------|
| 1   | CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG R.E.E (*)          | 0316514160             | 30/09/2020 | 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TPHCM  | 38,365,168         | 60.42            |
| 2   | Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần | 3502208399             | 02/01/2019 | Số: 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, TP HCM, Việt Nam | 19,050,000         | 30.00            |

(\*): Vào ngày 13/11/2020, Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (REE) đã chuyển nhượng toàn bộ 38.365.168 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 60,42% tại Công ty cho Công ty TNHH Năng lượng R.E.E, Công ty cùng Tập đoàn.

Các đợt tăng vốn trong năm 2020: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2020: không có

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

| STT                           | Đối tượng                     | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông |             |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------|------------------|------------------|----------------|-------------|
|                               |                               |                   |                  |                  | Tổ chức        | Cá nhân     |
| 1                             | Cổ đông Nhà nước              | 0                 | 0                | 0                | 0              | 0           |
| 2                             | Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI | 0                 | 0                | 0                | 0              | 0           |
| 3                             | Cổ đông lớn                   | 57,415,168        | 90.42            | 2                | 2              | 0           |
|                               | - Trong nước                  | 57,415,168        | 90.42            | 2                | 2              | 0           |
|                               | - Nước ngoài                  | 0                 | 0                | 0                | 0              | 0           |
| 4                             | Công đoàn Công ty             | 0                 | 0                | 0                | 0              | 0           |
| 5                             | Cổ phiếu quỹ                  | 0                 | 0                | 0                | 0              | 0           |
| 7                             | Cổ đông khác                  | 6,084,832         | 9.58             | 1228             | 28             | 1200        |
|                               | - Trong nước                  | 5,627,008         | 8.86             | 1154             | 17             | 1137        |
|                               | - Nước ngoài                  | 457,824           | 0.72             | 74               | 11             | 63          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              |                               | <b>63,500,000</b> | <b>100</b>       | <b>1230</b>      | <b>30</b>      | <b>1200</b> |
| <b>Trong đó: - Trong nước</b> |                               | <b>63,042,176</b> | <b>99.29</b>     | <b>1156</b>      | <b>19</b>      | <b>1137</b> |
| <b>- Nước ngoài</b>           |                               | <b>457,824</b>    | <b>0.72</b>      | <b>74</b>        | <b>11</b>      | <b>63</b>   |





**PHẦN C:  
BÁO CÁO CỦA BAN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

**2. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021**



## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2020

### 1.1. Kết quả kinh doanh năm 2020

#### 1.1.1 Kết quả kinh doanh TBC

Đơn vị tiền: triệu đồng; Sản lượng: triệu kWh; Giá: đồng/kWh

| TT                         | Chỉ tiêu                        | TH 2019<br>(KT/ĐL) | KH 2020        | TH 2020<br>(KT/ĐL) | TH2020/<br>KH2020 | TH2020/<br>TH2019 |
|----------------------------|---------------------------------|--------------------|----------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| <b>I THỦY VĂN</b>          |                                 |                    |                |                    |                   |                   |
| 1                          | Lưu lượng nước về hồ bình quân  | 127,7              | 172,2          | 201,4              | 117%              | 158%              |
| 2                          | Mức nước hồ đầu kỳ              | 57,15              | 53,75          | 53,75              | 100%              | 94%               |
| 3                          | Mức nước hồ cuối kỳ             | 53,75              | 55,75          | 57,53              | 103%              | 107%              |
| <b>II. SẢN XUẤT ĐIỆN</b>   |                                 |                    |                |                    |                   |                   |
| <b>1</b>                   | <b>Sản lượng điện đầu cực</b>   | <b>319,71</b>      | <b>325</b>     | <b>388,94</b>      | <b>120%</b>       | <b>122%</b>       |
| <b>2</b>                   | <b>Sản lượng điện giao nhận</b> | <b>316,27</b>      | <b>320,72</b>  | <b>385,09</b>      | <b>120%</b>       | <b>122%</b>       |
| <b>III. TỔNG DOANH THU</b> |                                 |                    |                |                    |                   |                   |
| <b>1</b>                   | <b>Doanh thu SX điện</b>        | <b>257.011</b>     | <b>273.711</b> | <b>317.033</b>     | <b>116%</b>       | <b>123%</b>       |
| 2                          | Doanh thu hoạt động SXKD khác   | 44.639             | 32.313         | 40.313             | 125%              | 90%               |
| <b>2.1</b>                 | <b>Doanh thu dịch vụ</b>        | <b>10.804</b>      | <b>9.950</b>   | <b>12.793</b>      | <b>129%</b>       | <b>118%</b>       |
| <b>IV TỔNG CHI PHÍ</b>     |                                 |                    |                |                    |                   |                   |
| <b>V LỢI NHUẬN</b>         |                                 |                    |                |                    |                   |                   |
| <b>1</b>                   | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>     | <b>158.557</b>     | <b>153.987</b> | <b>196.785</b>     | <b>128%</b>       | <b>124%</b>       |
| <b>2</b>                   | <b>Thuế TNDN</b>                | <b>30.511</b>      | <b>30.797</b>  | <b>38.217</b>      | <b>124%</b>       | <b>125%</b>       |
| <b>3</b>                   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>       | <b>128.047</b>     | <b>123.189</b> | <b>158.568</b>     | <b>129%</b>       | <b>124%</b>       |

#### Trong đó Kết quả kinh doanh của TTDVKT

| TT         | Chỉ tiêu                    | TH 2019       | KH2020       | TH2020        | TH2020/<br>KH2020 | TH2020/<br>TH2019 |
|------------|-----------------------------|---------------|--------------|---------------|-------------------|-------------------|
| <b>I</b>   | <b>TỔNG DOANH THU</b>       | <b>10.397</b> | <b>9.603</b> | <b>12.301</b> | <b>128%</b>       | <b>118%</b>       |
| <b>II</b>  | <b>TỔNG CHI PHÍ</b>         | <b>3.747</b>  | <b>4.935</b> | <b>7.410</b>  | <b>150%</b>       | <b>198%</b>       |
| <b>1</b>   | Vật liệu phụ                | 495           | 1.047        | 1.973         | 188%              | 399%              |
| <b>2</b>   | Tiền lương                  | 464           | 1.025        | 997           | 97%               | 215%              |
| <b>3</b>   | Chi phí khấu hao TSCĐ       | 774           | 1.145        | 776           | 68%               | 100%              |
| <b>4</b>   | Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 1.072         | 1.669        | 1.767         | 106%              | 165%              |
| <b>5</b>   | Chi phí khác bằng tiền      | 943           | 49           | 1.897         | 3871%             | 201%              |
| <b>III</b> | <b>LỢI NHUẬN</b>            |               |              |               |                   |                   |
| <b>1</b>   | <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | <b>6.651</b>  | <b>4.668</b> | <b>4.891</b>  | <b>105%</b>       | <b>74%</b>        |
| <b>2</b>   | <b>Thuế TNDN</b>            | <b>1.331</b>  | <b>934</b>   | <b>978</b>    | <b>105%</b>       | <b>73%</b>        |
| <b>3</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | <b>5.320</b>  | <b>3.734</b> | <b>3.913</b>  | <b>105%</b>       | <b>74%</b>        |

### Đánh giá

#### \* Thị trường điện:

Năm 2020, công tác thị trường điện gặp nhiều khó khăn do mực nước đầu năm thấp (53,75m) dẫn đến Nhà máy luôn vi phạm mực nước giới hạn theo quy định, trong những tháng đầu năm Nhà máy chủ yếu duy trì phát điện đảm bảo sản lượng hợp đồng và cấp nước cho hạ du theo quy định. Mặt khác, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên nhu cầu phụ tải giảm. Vì vậy, doanh thu tăng thêm từ thị trường điện và giá bán điện bình quân không đạt các chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó, giá bán điện bình quân năm 2020 của Công ty đạt 787 đồng, thấp hơn mức giá kế hoạch 2,7% và thấp hơn cùng kỳ năm 2019 là 3,3%.

#### \* Thủy văn và sản lượng điện

Mức nước hồ đầu năm 53,75m thấp hơn cùng kỳ 2019 là 3,4m, nhưng bù lại, lưu lượng nước về hồ bình quân 201,4m<sup>3</sup>/s tăng 58% so với cùng kỳ.

Sản lượng điện sản xuất đạt 388,94 triệu kWh cao hơn 69,2 triệu kWh so với cùng kỳ, tương đương tăng 22%. Sản lượng thương phẩm đạt 385,09 triệu kWh cao hơn 68,8 triệu kWh so với cùng kỳ, tương đương tăng 22%.

#### Doanh thu:

Tổng doanh thu đạt 357,3 tỷ cao hơn cùng kỳ 55,7 triệu đồng. Trong đó:

- DT sản xuất điện đạt 317,0 tỷ tăng 60 tỷ, tương đương bằng 123% so với cùng kỳ.
- DT hoạt động dịch vụ đạt 12,8 tỷ tăng 1,99 tỷ, tương đương bằng 118% so với cùng kỳ.
- DT hoạt động tài chính đạt 26,2 tỷ giảm 7,1 tỷ, tương đương bằng 79% so với cùng kỳ.

#### \* Chi phí:

Tổng chi phí 160,5 tỷ đồng tăng 17,4 tỷ, tương đương bằng 112% so với cùng kỳ.

Trong đó:

- Chi phí O&M tăng 3,5 tỷ đồng (trong đó, chi phí tiền lương thực hiện tăng 3,2 tỷ đồng).
- Thuế tài nguyên tăng 7,1 tỷ đồng do tăng sản lượng điện.
- Phí bảo vệ môi trường rừng tăng 2,4 tỷ do tăng sản lượng điện.
- Chi phí dịch vụ tăng 2,7 tỷ đồng.

Theo đó, lợi nhuận sau thuế đạt 158,5 tỷ tăng 30,5 tỷ, tương đương bằng 124% so với cùng kỳ và bằng 129% so với kế hoạch năm







## 1.1.2. Kết quả kinh doanh của MHP

Đơn vị tiền: triệu đồng; Sản lượng: triệu kWh; Giá: đồng/kWh

| TT   | Chỉ tiêu                    | TH2019  | KH2020  | TH2020  | TH2020/<br>KH2020 | TH2020/<br>TH2019 |
|------|-----------------------------|---------|---------|---------|-------------------|-------------------|
| I    | <b>SẢN XUẤT ĐIỆN</b>        |         |         |         |                   |                   |
| 1    | Sản lượng điện đầu cực      | 135,89  | 133,44  | 163,03  | 122%              | 120%              |
| 2    | Sản lượng điện giao nhận    | 133,55  | 131,14  | 160,22  | 122%              | 120%              |
| III. | <b>TỔNG DOANH THU</b>       | 148.035 | 168.092 | 210.753 | 125%              | 142%              |
| IV   | <b>TỔNG CHI PHÍ</b>         | 145.261 | 129.528 | 130.735 | 101%              | 90%               |
| V    | <b>LỢI NHUẬN</b>            |         |         |         |                   |                   |
| 1    | <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | 2.774   | 38.564  | 80.018  | 207%              |                   |
| 2    | <b>Thuế TNDN</b>            |         |         | 3.918   |                   |                   |
| 3    | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | 2.774   | 38.564  | 76.100  | 197%              |                   |

## 1.1.3. Kết quả kinh doanh Hợp nhất

Đơn vị tiền: triệu đồng; Sản lượng: triệu kWh; Giá: đồng/kWh

| TT  | Chỉ tiêu                    | Kế hoạch hợp nhất năm 2020 | Thực hiện năm 2020 (KT/HN) | TH 2020/<br>KH2020 |
|-----|-----------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------|
| I   | <b>SẢN LƯỢNG ĐIỆN</b>       |                            |                            |                    |
| 1   | Sản lượng điện sản xuất     | 458,44                     | 551,97                     | 120%               |
| 2   | Sản lượng điện giao nhận    | 451,86                     | 545,31                     | 121%               |
| II  | <b>TỔNG DOANH THU</b>       | <b>455.847</b>             | <b>550.461</b>             | 121%               |
| III | <b>TỔNG CHI PHÍ</b>         | <b>274.611</b>             | <b>290.043</b>             | 106%               |
| IV  | <b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b> | <b>181.236</b>             | <b>260.418</b>             | 144%               |
| VI  | <b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>   | <b>150.439</b>             | <b>218.283</b>             | 145%               |
|     | Cổ đông Công ty mẹ          | 129.031                    | 180.948                    | 140%               |

## 1.2 Công tác quản trị, tổ chức

## a. Bổ nhiệm nhân sự:

HĐQT đã bổ nhiệm lại: Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc TTDVKT, Phó P. KHVT.

Tổng Giám đốc bổ nhiệm lại: Quản đốc PX Đ-TĐ, Quản đốc PX CK-TC thuộc Trung tâm DVKT.

HĐQT đã bổ nhiệm mới: Quản đốc PXVH, Phó Giám đốc DVKT, Phó Phòng KT-TTĐ;

Công tác luân chuyển cán bộ:

Ngày 3/4/2020 HĐQT giới thiệu Bà Nguyễn Thị Kim Quyên Phòng TCKT tham gia KTT MHP thay ông Lê Hồng Minh

Ngày 18/9/2020 HĐQT thống nhất cử ông Nguyễn Trung Hiếu phòng TCKT tham gia kiêm nhiệm KTT tại MHP thay bà Nguyễn Thị Kim Quyên và thống nhất giới thiệu bà Quyên sang làm việc chuyên trách KTT tại Công ty cổ phần đầu tư thủy điện Thác Bà 2.

Ngày 18/9/2020 HĐQT đã biệt phái ông Hoàng Anh Tuấn tham gia Ban điều hành Công ty cổ phần đầu tư thủy điện Thác Bà 2 và giữ chức vụ Phó Giám đốc.

Ngày 18/9/2020 HĐQT thống nhất cử ông Nguyễn Thanh Hải PTGD Đầu tư Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà tham gia kiêm nhiệm TGD MHP thay ông Bùi Hoàng

## b. Quan tâm công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

-Ban điều hành sử dụng, sắp xếp, bố trí lao động đảm bảo phát huy hết năng lực làm việc, năng suất lao động cao nhất.

- Đã thực hiện nâng lương cho 16 người lao động (3 cán bộ quản lý 13 NLD trực tiếp) trong năm 2020.

- Thường xuyên xem xét bổ sung các tiêu chí cụ thể, đo lường được trong thực hiện đánh giá năng lực NLD.

## c. Sửa đổi quy chế, quy định:

-Theo đề nghị của Ban điều hành, HĐQT đã thực hiện sửa đổi Quy chế trả lương; Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ.

- Ban điều hành thường xuyên rà soát và hiệu chỉnh các quy định, quy trình cho phù hợp với điều kiện thực tế: Quy trình kiểm soát Hồ sơ, tài liệu, Quy định đánh giá hiệu quả nhân viên, Quy định tham quan, Quy định thi đua khen thưởng, Quy định cấp phát BHLĐ.... Tăng cường phối hợp với các cơ quan địa phương và mở rộng quan hệ với các đối tác.

e. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và tăng cường đào tạo nâng cao nguồn nhân lực cho tất cả các vị trí trong Công ty để đáp ứng theo yêu cầu công việc mới.

f. Nâng cao ý thức cho người lao động về tinh thần tự thực hiện/tự giác, cải tiến và tối ưu hóa và việc nâng cao thu nhập phải gắn với cải thiện năng suất lao động và hiệu quả công việc.

g. áp dụng và thực hiện các hệ thống quản lý hiện có ISO, 5S thực chất.



### 1.3. Tổ chức bộ máy, lao động, tiền lương

a. Tổ chức bộ máy: Công ty có: 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, 04 Phòng nghiệp vụ, 01 Phân xưởng vận hành và 01 Chi nhánh.

b. Số lượng và cơ cấu lao động:

Định biên lao động của Công ty năm 2020 là 127 người. Thời điểm 01/01/2020, Công ty có 127 người, tính đến thời điểm 31/12/2020 Công ty có 126 người (04 người nghỉ hưu theo chế độ, 01 người chấm dứt HĐLĐ để chuyển sang TBC2 và tuyển dụng bổ sung được 02 kỹ sư điện, 02 công nhân cơ khí).

- Số lượng và cơ cấu lao động:

| TT  | Chỉ tiêu                                | 31/12/2019 | 31/12/2020 |
|-----|---|------------|------------|
| 1   | <b>Tổng số lao động</b>                 | <b>127</b> | <b>126</b> |
| 2   | <b>Theo giới tính</b>                   |            |            |
| 2.1 | Nam                                     | 98         | 98         |
| 2.2 | Nữ                                      | 29         | 28         |
| 3   | <b>Theo trình độ</b>                    |            |            |
| 3.1 | Trình độ đại học và trên đại học        | 63         | 65         |
| 3.2 | Cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp     | 20         | 20         |
| 3.3 | Sơ cấp và công nhân kỹ thuật            | 39         | 36         |
| 3.4 | Lao động phổ thông                      | 5          | 5          |
| 4   | <b>Phân loại theo hợp đồng lao động</b> |            |            |
| 4.1 | Hợp đồng không xác định thời hạn        | 123        | 122        |
| 4.2 | Hợp đồng có thời hạn 12 tháng           | 4          | 4          |

Thu nhập của người lao động

| TT | Chỉ tiêu                                      | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 | TH/KH2020 |
|----|---|---------------|----------------|-----------|
| 1  | Quỹ tiền lương (triệu đồng)                   | 27.559        | 32.855         | 119%      |
| 2  | Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 18,2          | 21,7           | 119%      |
| 3  | Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)   | 19,1          | 22,7           | 119%      |



### 1.4. Quản lý kỹ thuật vận hành

Công tác quản lý, vận hành các thiết bị trong dây truyền sản xuất hiệu quả: Theo dõi, giám sát công tác quản lý, vận hành có hiệu quả các thiết bị trong dây truyền sản xuất điện, đảm bảo an toàn cho con người, thiết bị, đáp ứng phương thức vận hành của hệ thống theo thị trường.

Thực hiện tốt phương thức và biểu đồ công suất của điều độ cấp trên, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra đảm bảo đưa thiết bị trở lại vận hành một cách nhanh nhất, thực hiện các phương thức vận hành đảm bảo cung cấp nước cho vụ đông xuân vùng hạ du. Đảm bảo số lượng các tổ máy được huy động theo lịch biểu kế hoạch, đáp ứng công suất phát theo yêu cầu huy động.

Theo dõi và phối hợp xử lý kịp thời các sự cố, thiếu sót thiết bị không để xảy ra sự cố chủ quan, khắc phục nhanh chóng các sự cố khách quan. Tổ chức diễn tập sự cố định kỳ theo quý cho các chức danh vận hành.

Tình hình vận hành các tổ máy năm 2020, an toàn, ổn định, không xảy ra sự cố lớn đối với các tổ máy.

### 1.5. Quản lý thiết bị, công trình

Lập và cập nhật hồ sơ theo dõi, quản lý các thiết bị phần điện, phần cơ, thủy công; thường xuyên cập nhật những thay đổi công nghệ, chu kỳ sửa chữa. Bổ sung và hoàn công kịp thời những thay đổi của hệ thống thiết bị;

Theo dõi, giám sát vận hành, sửa chữa các thiết bị điện, cơ, công trình thủy công đúng quy trình. Các thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy;

Khảo sát, đánh giá tình trạng kỹ thuật tổng thể các thiết bị công trình .... Từ đó, báo cáo và đề xuất đưa vào kế hoạch sửa chữa, thay thế và nâng cấp trung, dài hạn trong các năm tiếp theo. Năm 2020, Công ty đã thuê Công ty CP tư vấn xây dựng điện 1 thực hiện khảo sát, đánh giá tình trạng và lập Đề án nâng cấp thiết bị công trình giai đoạn 2021-2024. Hiện đang trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt Đề án.

Thường xuyên cập nhật, kịp thời biên soạn, hiệu chỉnh lại quy trình vận hành các thiết bị được cải tạo, thay thế và nâng cấp phục vụ công tác quản lý, vận hành, sửa chữa;

Cập nhật kịp thời các quy định, quy chuẩn, công nghệ mới phục vụ công tác thay thế, nâng cấp thiết bị, công trình;

Tiếp tục triển khai, duy trì việc ứng dụng



phần mềm quản lý kỹ thuật nguồn điện vào công tác quản lý, theo dõi vận hành thiết bị công trình;

Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra định kỳ, đột xuất nhằm phát hiện các vi phạm hành lang bảo vệ đập, vùng lòng hồ; lập biên bản và giải quyết theo quy định của Pháp luật, kịp thời phản ánh và kiến nghị giảm thiểu ảnh hưởng đến công trình.

Rà soát việc thực hiện các công tác quản lý, vận hành các công trình thủy công theo các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình hồ chứa, đập, Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng, Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt,...

+ Hoàn thành lập phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ đập, hiện đang trình UBND tỉnh Yên Bái và tỉnh Phú Thọ thẩm định, phê duyệt;

+ Hoàn thành lắp đặt và đưa vào vận hành hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước để đo đạc tự động, trực tuyến số liệu khai thác tài nguyên nước đối với công trình hồ chứa thủy điện Thác Bà vào cơ sở dữ liệu của hệ thống giám sát theo Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017.



### 1.6. Sửa chữa lớn:

Kế hoạch SCL năm 2020 gồm 10 hạng mục thiết bị, công trình với tổng giá trị là 5.345,1 triệu đồng. Trong đó:

- + Giá trị kế hoạch sửa chữa lớn năm 2020: 3.457,1 triệu đồng;
- + Giá trị các công trình sửa chữa lớn dùng nguồn vốn khấu hao: 1.477,4 triệu đồng.

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn thành 06 hạng mục là: Đập đất số 1, Đập đất số 2, Đập đất số 3, Đập đất số 4, Nhà Hội trường, Đài tưởng niệm.

03 hạng mục đang thực hiện là: Thay mới các máy biến dòng điện 10,5kV của Tổ máy H1, Thay mới các máy biến dòng điện 10,5kV của Tổ máy H2 và Thay mới các máy biến dòng điện 10,5kV của Tổ máy H3, nhà thầu đã cung cấp hàng và trong quý 2/2021 sẽ hoàn thành lắp đặt.

01 hạng mục dừng thực hiện là: Đại tu đổ bê tông đoạn từ hồ xanh đến đập 8, dừng không thực hiện do Ban điều hành Công ty xét thấy chưa cấp thiết

Việc lập lịch sửa chữa, tổ chức sắp xếp công việc hợp lý và theo dõi thực hiện sửa chữa được thực hiện đúng quy định, phần lớn các công trình SCL đảm bảo về chất lượng và tiến độ.

### 1.7. Đầu tư xây dựng

Đã trình bày cụ thể tại mục 3.1 phần B

### 1.8. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật

Tổng hợp sáng kiến năm 2020 như sau

| TT | Nội dung                                 | Đơn vị      | Số lượng          |                   |
|----|--|-------------|-------------------|-------------------|
|    |  |             | 2019              | 2020              |
| 1  | Số lượng đơn đăng ký công nhận sáng kiến | Đơn         | 12                | 20                |
| 2  | Số lượng được công nhận là sáng kiến     | SK          | 12                | 20                |
| 3  | <b>Tổng số tiền thưởng sáng kiến</b>     | <b>Đồng</b> | <b>45.500.000</b> | <b>62.600.000</b> |

### 1.9. Đầu tư tài chính

Đã trình bày cụ thể tại mục 3.2 phần B



### 1.10. Công tác quản lý vốn và tài sản

Trong năm 2020, TCKT đã thực hiện cân đối vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo tháng/quý và đảm bảo đủ vốn theo nhu cầu SXKD dựa trên việc ước tính dòng tiền thu và chi trong tháng/quý. Qua đó, dòng tiền dư ước tính đảm bảo sát với thực hiện là cơ sở để sử dụng dòng tiền có hiệu quả. Trong năm, đã thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn theo quy định như trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ theo quy định.

So với các năm trước, việc theo dõi quản lý tài sản của công ty như TSCĐ, CCDC, VTTB, Phế liệu thanh lý được quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm cũng đã góp phần thực hiện tốt quản lý chi phí, tăng hiệu quả sử dụng vốn.





### 1.11. Công tác tài chính

Năm 2020, Hoạt động tài chính của công ty đã hoàn thành một số công việc quan trọng như: (i) Thu xếp vốn cho Công ty con (MHP) vay với giá trị 23 tỷ đồng để cơ cấu lại khoản vay của MHP với VTB Hà Nội liên quan đến khoản vay Dự án Bản Xèo đã trả nợ trước hạn 53,3 tỷ đồng góp phần tạo hiệu quả hoạt động SXKD của MHP; (ii) Thực hiện đầu tư, góp vốn vào TBC2 với tỷ lệ cam kết góp vốn 49% VDL; (iii) Cân đối dòng tiền hoạt động SXKD, dòng tiền dư được thực hiện gửi tại các Tổ chức tín dụng có uy tín, với lãi suất cạnh tranh cũng đã đem lại hiệu quả không nhỏ cho hoạt động tài chính.

Trong năm 2020, dòng tiền công ty sử dụng cho hoạt động tài chính khá lớn và trong ngắn hạn dòng tiền dư không nhiều. Do đó, Công ty phải cân đối, sử dụng tối ưu toàn bộ dòng tiền của Công ty để đảm bảo thanh khoản, đồng thời sử dụng hiệu quả dòng tiền dư trong ngắn hạn để hoàn thành tốt kế hoạch tài chính năm 2020 là 21,4 tỷ.

Hoạt động phân tích tài chính đã thực hiện định kỳ tháng/quý/năm để cung cấp thông tin quản lý, phân tích cụ thể doanh thu, chi phí, tình hình sử dụng tài sản vốn cho hoạt động SXKD, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng, đặc biệt là các nguyên nhân làm tăng chi phí, giảm hiệu quả sử dụng vốn để đề xuất biện pháp quản lý

duyệt thanh toán với E0 = 360 triệu theo đề xuất của TBC. Tiếp tục làm việc với EVN, EPTC để ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 hợp đồng mua bán điện về thanh toán tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và hoàn thiện thủ tục thanh toán;

- Triển khai và hoàn thành phần mềm ERP phục vụ quản trị doanh nghiệp trong Quý1/2020 thay thế cho phần mềm FMIS (quản lý tài chính, tài sản cố định, vật tư) mà EVN sẽ dừng cung cấp dịch vụ đến hết 31/12/2020.

UBND các xã, thị trấn tiếp giáp với hồ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn hồ chứa và hành lang xả lũ. Tăng cường hoạt động kiểm tra, lập biên bản vi phạm, yêu cầu hoàn trả lại nguyên trạng và tự tháo dỡ đối với các vi phạm. Tiếp tục tổ chức các hội nghị tuyên truyền cộng đồng về pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành an toàn công trình nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ công trình.

### 1.12. Các công việc khác năm 2020

#### a. Về sản xuất điện:

- Lập kế hoạch phát điện hợp lý để khai thác tối ưu lượng nước hồ chứa. Triển khai kế hoạch đồng bộ từ đầu năm. Tiến hành rà soát, bổ sung điều chỉnh kế hoạch kịp thời. Đồng thời, đẩy mạnh công tác thị trường điện, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực trình độ nhân lực, tăng hiệu quả kinh tế thị trường điện.

- TBC đã được Bộ Công thương phê duyệt lại sản lượng trung bình nhiều năm E0 = 372,6 triệu kWh, Cục quản lý tài nguyên nước đã điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và HĐTV EVN đã phê

#### b. Công tác bảo vệ công trình Nhà máy thủy điện Thác Bà

- UBND tỉnh Yên Bái đã phê duyệt phương án bảo vệ công trình Thủy điện Thác Bà. Ban điều hành tiếp tục làm việc với các đơn vị liên quan để đạt được phê duyệt của Chính phủ về việc đưa công trình Thủy điện Thác Bà vào danh mục các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

- Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện Quy chế phối hợp với Công an tỉnh Yên Bái,

## 2. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

### 2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

#### 2.1.1. Kế hoạch năm 2021 của TBC

| TT                         | Chi tiết                        | KH2020         | TH2020         | KH2021         | KH2021 / TH2020 | KH2021 / KH2020 |
|----------------------------|---------------------------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|
| <b>I THỦY VĂN</b>          |                                 |                |                |                |                 |                 |
| 1                          | Lưu lượng nước về hồ bình quân  | 172,2          | 201,4          | 175,3          | 87%             | 102%            |
| 2                          | Mức nước hồ đầu kỳ              | 53,75          | 53,75          | 57,53          | 107%            | 107%            |
| 3                          | Mức nước hồ cuối kỳ             | 55,75          | 57,53          | 57,16          | 99%             | 103%            |
| <b>II. SẢN XUẤT ĐIỆN</b>   |                                 |                |                |                |                 |                 |
| 1                          | <b>Sản lượng điện đầu cực</b>   | <b>325</b>     | <b>388,94</b>  | <b>390</b>     | 100%            | 120%            |
| 2                          | <b>Sản lượng điện giao nhận</b> | <b>320,72</b>  | <b>385,09</b>  | <b>385,15</b>  | 100%            | 120%            |
| 3                          | Sản lượng thực giao theo HD-Qc  | 227,99         | 227,99         | 276,8          | 121%            | 121%            |
| <b>III. TỔNG DOANH THU</b> |                                 |                |                |                |                 |                 |
| 1                          | Doanh thu SX điện               | 273.711        | 317.033        | 307.834        | 97%             | 112%            |
| 2                          | Doanh thu SXKD khác             | 32.313         | 40.313         | 33.530         | 83%             | 104%            |
| <b>IV TỔNG CHI PHÍ</b>     |                                 |                |                |                |                 |                 |
| <b>V LỢI NHUẬN</b>         |                                 |                |                |                |                 |                 |
| 1                          | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>     | <b>153.987</b> | <b>196.785</b> | <b>178.493</b> | 91%             | 116%            |
| 2                          | <b>Thuế TNDN</b>                | <b>30.797</b>  | <b>38.217</b>  | <b>34.856</b>  | 91%             | 113%            |
| 3                          | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>       | <b>123.189</b> | <b>158.568</b> | <b>143.636</b> | 91%             | 117%            |

#### Trong đó Kế hoạch 2021 của TTDVKT

| TT                   | Chỉ tiêu                    | KH2020       | TH2020        | KH2021        | KH2021 / TH2020 | KH2021 / KH2020 |
|----------------------|-----------------------------|--------------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|
| I.                   | <b>TỔNG DOANH THU</b>       | <b>9.603</b> | <b>12.301</b> | <b>11.003</b> | <b>89%</b>      | <b>115%</b>     |
| II                   | <b>TỔNG CHI PHÍ</b>         | <b>4.935</b> | <b>7.410</b>  | <b>5.605</b>  | <b>76%</b>      | <b>114%</b>     |
| <b>III LỢI NHUẬN</b> |                             |              |               |               |                 |                 |
| 1                    | <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | <b>4.668</b> | <b>4.891</b>  | <b>5.398</b>  | <b>110%</b>     | <b>116%</b>     |
| 2                    | <b>Thuế TNDN</b>            | <b>934</b>   | <b>978</b>    | <b>1.080</b>  | <b>110%</b>     | <b>116%</b>     |
| 3                    | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | <b>3.734</b> | <b>3.913</b>  | <b>4.318</b>  | <b>110%</b>     | <b>116%</b>     |



2.1.2. Kế hoạch năm 2021 của MHP

| TT                         | Chỉ tiêu                 | KH2020        | TH2020        | KH2021        | KH2021/<br>TH2020 | KH2021/<br>KH2020 |
|----------------------------|--------------------------|---------------|---------------|---------------|-------------------|-------------------|
| <b>I SẢN XUẤT ĐIỆN</b>     |                          |               |               |               |                   |                   |
| 1                          | Sản lượng điện đầu cực   | <b>133,44</b> | <b>163,03</b> | <b>142,46</b> | <b>87%</b>        | <b>107%</b>       |
| 2                          | Sản lượng điện giao nhận | <b>131,14</b> | <b>160,22</b> | <b>140,01</b> | <b>87%</b>        | <b>107%</b>       |
| <b>III. TỔNG DOANH THU</b> |                          |               |               |               |                   |                   |
| 1                          | Doanh thu SX điện        | 167.292       | 204.458       | 178.732       | 87%               | 107%              |
| 2                          | Doanh thu SXKD khác      | 800           | 6.295         | 736           | 12%               | 92%               |
| <b>IV TỔNG CHI PHÍ</b>     |                          |               |               |               |                   |                   |
| <b>V LỢI NHUẬN</b>         |                          |               |               |               |                   |                   |
| 1                          | Lợi nhuận trước thuế     | <b>38.564</b> | <b>80.018</b> | <b>59.151</b> | <b>74%</b>        | <b>153%</b>       |
| 2                          | Thuế TNDN                |               | <b>3.918</b>  | <b>2.647</b>  | <b>68%</b>        |                   |
| 3                          | Lợi nhuận sau thuế       | <b>38.564</b> | <b>76.100</b> | <b>56.504</b> | <b>74%</b>        | <b>147%</b>       |

Các công việc trọng tâm trong năm 2021 của MHP

- Tổ chức thực hiện kế hoạch phát điện hợp lý để khai thác tối ưu lượng nước về đặc biệt là vào mùa khô.

- Lập phương án tăng dung tích hữu ích hồ thủy điện Bản Xèo; Đầu tư nâng cấp tuyến kênh dẫn nước tuyến năng lượng nhà máy Bản Xèo nhằm khắc phục triệt để hư hỏng tuyến kênh nhựa hiện tại.

- Phối hợp với đơn vị có năng lực thực hiện nạo vét, thanh thải và tận thu cát lòng hồ thủy điện Mường Hum.

- Bổ sung, sửa đổi hệ thống quy chế quản lý nội bộ.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành: phần mềm quản lý kỹ thuật, phần mềm quản lý tài chính kế toán...

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đảm bảo vận hành 2 nhà máy, đập tràn, cửa nhận nước an toàn, ổn định, giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố. Áp dụng triệt để các biện pháp để đảm bảo an toàn sản xuất và phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, thực hiện sửa chữa lớn 2 tổ máy Mường Hum, bảo dưỡng định kỳ thiết bị nhà máy Mường Hum, Bản Xèo, đảm bảo thiết bị luôn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện tối ưu hóa chi phí, đánh giá từng công đoạn sản xuất để đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí (nhân công, nguyên vật liệu, công nghệ, sửa chữa, dự phòng thiết bị...);

- Triển khai công tác nghiên cứu khả thi mở rộng nhà máy thủy điện Mường Hum và Bản Xèo.

- Nghiên cứu và tổ chức thực hiện phương án lắp đặt hệ thống nước làm mát, nước kỹ thuật cho 2 tổ máy nhà máy Mường Hum nhằm đảm bảo an toàn phát điện cho tổ máy.

- Hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khu đất Ban điều hành.

2.1.3. Kế hoạch 2021 hợp nhất

| Chi tiết                         | KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021 |                      |                     |
|----------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------|
|                                  | Công ty mẹ<br>(TBC)    | Công ty con<br>(MHP) | Hợp nhất<br>TBC-MHP |
| <b>SẢN LƯỢNG ĐIỆN</b>            |                        |                      |                     |
| Sản lượng điện sản xuất          | 390                    | 142,46               | 532,46              |
| Sản lượng điện giao nhận         | 385,15                 | 140,01               | 525,16              |
| Tỷ lệ điện TD và tổn thất MBA    | 1,24                   | 1,72                 | 1,37                |
| <b>TỔNG DOANH THU</b>            | <b>341.364</b>         | <b>179.468</b>       | <b>504.761</b>      |
| <b>TỔNG CHI PHÍ</b>              | <b>162.872</b>         | <b>120.317</b>       | <b>283.504</b>      |
| <b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TNDN</b> | <b>178.493</b>         | <b>59.151</b>        | <b>221.275</b>      |
| <b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>        | <b>143.636</b>         | <b>56.504</b>        | <b>183.753</b>      |





## 2.1. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của TBC

### Tổ chức và quản trị công ty

- Quản trị Công ty con đảm bảo hoạt động hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.
- Áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, chương trình 5S, hệ thống KPIs.
- Thực hiện trả lương theo cấp bậc, vị trí và năng suất lao động của từng người lao động. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho NLĐ, để người lao động có trách nhiệm với công việc được giao. Đặc biệt xem xét thu gọn các đầu mối trung gian đảm bảo tổ chức bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt.
- Kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành: e-mail, phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý kỹ thuật, phần mềm quản lý tài chính kế toán...

### Lao động, tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng nhân sự có đủ sức khỏe, trình độ năng lực, nhiệt tình công việc để thay thế và bổ sung vào các vị trí nhân sự về hưu.
- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo theo mục tiêu và theo nhu cầu với các hình thức đa dạng, tập trung nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp cho các cán bộ quản lý, đào tạo chuyên sâu cho công nhân và kỹ thuật viên lành nghề.



### Sản xuất kinh doanh

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định, giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố. Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và xử lý sự cố. Áp dụng triệt để các biện pháp để đảm bảo an toàn sản xuất và phòng chống cháy nổ;
- Lập kế hoạch phát điện hợp lý để khai thác tối ưu lượng nước hồ chứa. Triển khai kế hoạch đồng bộ từ đầu năm. Tiến hành rà soát, bổ sung điều chỉnh kế hoạch kịp thời. Đẩy mạnh công tác thị trường điện, tăng hiệu quả kinh tế từ thị trường điện;
- Thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, thực hiện sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, đảm bảo thiết bị luôn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả;
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí, đánh giá từng công đoạn sản xuất để đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí (nhân công, nguyên vật liệu, công nghệ, sửa chữa, dự phòng thiết bị...);
- Làm việc với EVN, EPTC để ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 hợp đồng mua bán điện về thanh toán tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và hoàn thiện thủ tục thanh toán;
- Hoàn thành cắm mốc giới HLBV đập tại thực địa, bàn giao quản lý theo quy định.



### Đầu tư

- Nghiệm thu chính thức và quyết toán Dự án nâng cấp hệ thống đo lường, điều khiển và bảo vệ Nhà máy Thủy điện Thác Bà (DCS);
- Triển khai đầu tư xây dựng theo Đề án đầu tư, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình Nhà máy Thủy điện Thác Bà giai đoạn 2021-2024 sau khi HĐQT và ĐHQĐ phê duyệt.
- Đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các dự án nguồn điện; Bám sát việc triển khai các dự án năng lượng mặt trời/du lịch trên vùng hồ Thác Bà để có ứng xử phù hợp.
- Tăng cường công tác quản trị dòng tiền trong công ty, hướng dòng tiền vào việc đầu tư phát triển hiệu quả;
- Tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ Công ty con về kỹ thuật, vốn trong hoạt động đảm bảo công tác sản xuất ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phối hợp với TBC2 và các bên liên quan hoàn thiện các thủ tục pháp lý và thực hiện khởi công Dự án Thủy điện Thác Bà 2 đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí đầu tư tối đa.


### Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật

- Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu thị trường dịch vụ, phát triển khách hàng;
- Tăng cường công tác tiếp xúc khách hàng, chăm sóc khách hàng, tăng cường quan hệ với các đối tác chiến lược trên khu vực Miền Bắc, quảng bá thương hiệu để phát triển khách hàng;
- Tổ chức thực hiện tốt các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật ký kết với các đối tác, nâng cao uy tín, thương hiệu của Công ty CP Thủy điện Thác Bà và TTDVKT trên thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh.



### Các nội dung hoạt động khác

- Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống Công ty;
- UBND tỉnh Yên Bái đã phê duyệt phương án bảo vệ công trình Thủy điện Thác Bà. Ban điều hành tiếp tục làm việc với các đơn vị liên quan để đạt được phê duyệt của Chính phủ về việc đưa công trình Thủy điện Thác Bà vào danh mục các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;
- Phối hợp chặt chẽ với địa phương, công an tỉnh Yên Bái ngăn chặn tình trạng vi phạm hành lang hồ chứa và hành lang xả lũ. Tăng cường hoạt động kiểm tra, lập biên bản vi phạm, yêu cầu hoàn trả lại nguyên trạng và tự tháo dỡ đối với các vi phạm. Tiếp tục tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ hồ chứa, an toàn đập tại các địa phương có tiếp giáp hồ Thác Bà;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng trên cơ sở phát huy các giá trị truyền thống của ngành điện, tạo môi trường làm việc lành mạnh để người lao động thêm gắn bó với Công ty.



*Trải qua 50 năm hoạt động, từ những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho đến thời kỳ đổi mới, Thủy điện Thác Bà luôn khẳng định được vị thế, vai trò là một trong những nguồn điện chủ lực của hệ thống điện Quốc gia, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

# PHẦN D

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

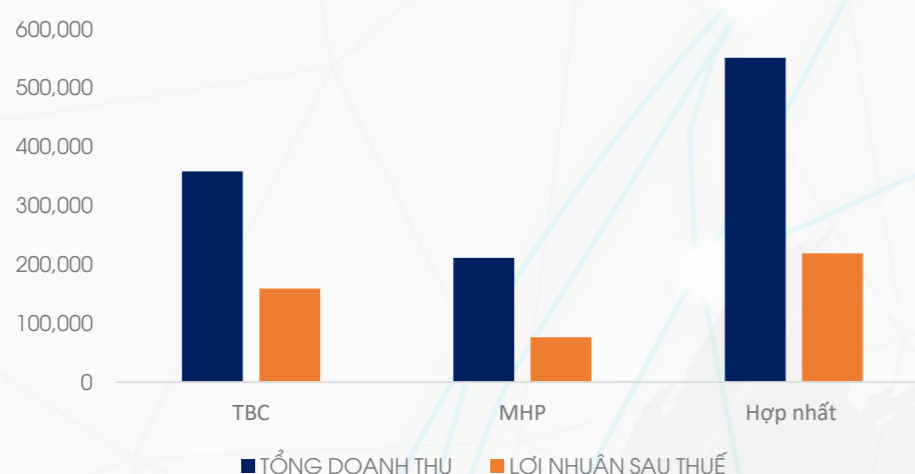
1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
2. TỔNG KẾT NHIỆM KỲ THỨ III (2016 - 2021)
3. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ IV (2021-2026)





**1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020****1.1. Kết quả hoạt động năm 2020**

| <b>I SẢN LƯỢNG ĐIỆN</b>        |                                |           |                |                |                |
|--------------------------------|--------------------------------|-----------|----------------|----------------|----------------|
| <b>1</b>                       | Sản lượng điện sản xuất        | Triệu kWh | 388,94         | 163,03         | 551,97         |
| <b>2</b>                       | Sản lượng điện giao nhận       | Triệu kWh | 385,09         | 160,22         | 545,31         |
| <b>3</b>                       | Tỷ lệ điện tự dung và tổn thất | %         | 0,99           | 1,72           | 1,21           |
| <b>II TỔNG DOANH THU</b>       |                                | Triệu vnd | <b>357.345</b> | <b>210.753</b> | <b>550.461</b> |
| <b>III TỔNG CHI PHÍ</b>        |                                | Triệu vnd | <b>160.260</b> | <b>130.735</b> | <b>290.043</b> |
| <b>IV LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b> |                                | Triệu vnd | <b>196.785</b> | <b>80.018</b>  | <b>260.418</b> |
| <b>V THUẾ TNDN</b>             |                                | Triệu vnd | <b>38.217</b>  | <b>3.918</b>   | <b>42.135</b>  |
| <b>VI LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>   |                                | Triệu vnd | <b>158.568</b> | <b>76.100</b>  | <b>218.283</b> |
| Cổ đông công ty mẹ             |                                | Triệu     |                |                | 180.948        |

**Kết quả HĐSXKD 2020****1.2. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của HĐQT năm 2020**

HĐQT đã thực hiện 4 phiên họp thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản. Nội dung các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên.

Tình hình tham dự các cuộc họp định kỳ của các TV HĐQT:

| TT | Thành viên HĐQT         | Chức vụ    | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|----|-------------------------|------------|--------------------------|-------------------|
| 1  | Ông: Nguyễn Quang Quyền | Chủ tịch   | 4                        | 100%              |
| 2  | Ông: Lê Tuấn Hải        | Thành viên | 4                        | 100%              |
| 3  | Ông: Nguyễn Văn Quyền   | Thành viên | 4                        | 100%              |
| 4  | Ông: Hồ Văn Trung       | Thành viên | 4                        | 100%              |

Các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản tập trung vào nội dung chính sau:

1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.
2. Lựa chọn ngày, thông qua chương trình, văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên, triệu tập và chủ trì họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
3. Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.
4. Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch tiền lương năm 2020.
5. Bổ nhiệm lại Tổng giám đốc.
6. Quyết định cử người đại diện tham gia quản lý các công ty con.
7. Sửa đổi và hoàn thiện hệ thống văn bản về quản lý, quản trị nội bộ.
8. Chi trả cổ tức năm 2019 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020.
9. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.





### 1.3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý

#### 1.3.1. Đối với Ban Tổng giám đốc

HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc thông qua các nội dung chính như sau:

(!) Công tác lập và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được HĐQT/ĐHĐCĐ phê duyệt;

(!!) Công tác quản trị tài chính, chi phí và nguồn nhân lực

(!!!) Triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

HĐQT đã giám sát tính đầy đủ của các nội dung trên qua chương trình làm việc tại các cuộc họp HĐQT. Về tính hiệu lực, hiệu quả và phù hợp, HĐQT đã trao đổi, thảo luận, chất vấn Tổng giám đốc và Ban Điều hành tại các cuộc họp HĐQT hàng quý; báo cáo tháng; qua trao đổi thư điện tử, điện thoại và gặp gỡ. Các vấn đề khó khăn vướng mắc đều được xác định và giải quyết triệt để và kịp thời.

HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS thực hiện giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, tính phù hợp và tin cậy của Báo cáo tài chính

cũng như quản trị doanh nghiệp. Những ý kiến đóng góp của BKS đều được xem xét và cân nhắc kỹ trong các quyết định của HĐQT.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng Nghị quyết/Biên bản sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề có liên quan để Tổng Giám đốc triển khai.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2020, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

#### 1.3.2. Đối với cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự mẫn cán cần thiết để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Sự phối hợp, tinh thần đoàn kết nội bộ của các cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu được giao.

### 1.4. Thù lao, lương và các lợi ích của HĐQT, BKS và Tổng giám đốc năm 2020

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, HĐQT quyết định lương, thưởng và các khoản lợi ích tài chính khác của Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

#### Thù lao và lương cho Thành viên HĐQT, BKS, TGD

| TT  | Thành viên HĐQT/KBS/TGD | Kế hoạch năm 2020<br>Thù lao/lương (VNĐ) | Thực hiện năm 2020<br>Thù lao/lương (VNĐ) |
|-----|-------------------------|--|---|
| I   | Hội đồng quản trị       | 360.000.000                              | 288.000.000                               |
| II  | Ban Kiểm soát           | 192.000.000                              | 192.000.000                               |
| III | Tổng giám đốc           | 864.000.000                              | 1044.000.000                              |
| IV  | Tổng cộng               | 1.416.000.000                            | 1.524.000.000                             |

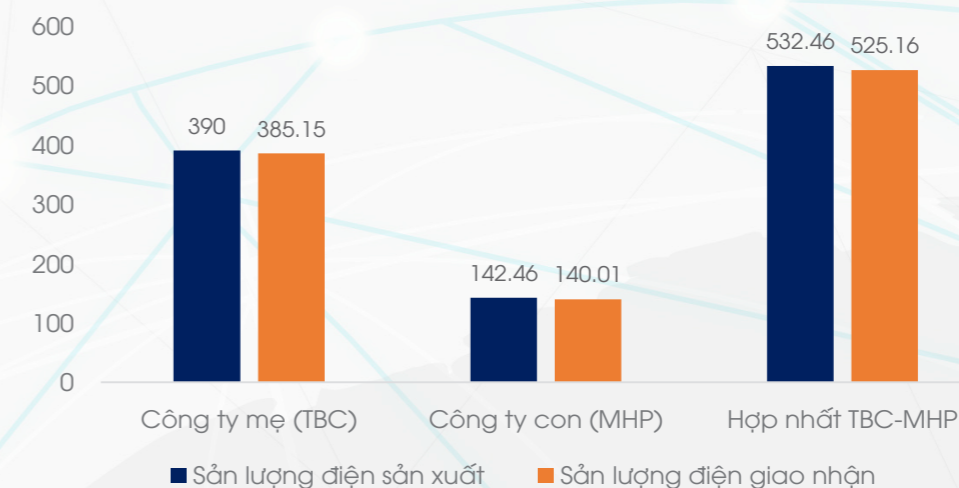
Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ: không.

Hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ: không.

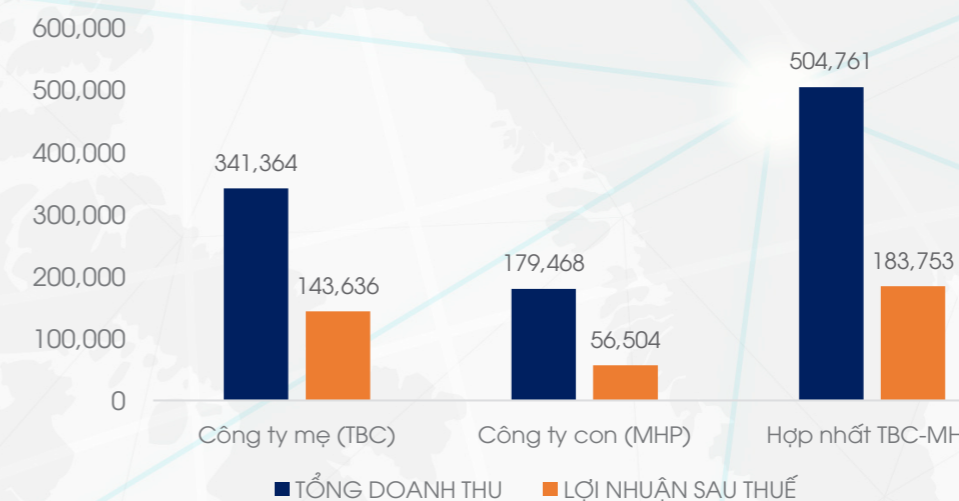
### 1.5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

#### Mục tiêu chung

Sản lượng điện kế hoạch 2021



Kế hoạch SXKD 2021





## 2. TỔNG KẾT NHIỆM KỲ THỨ III (2016 - 2021)

### 2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ III (2016 - 2021) đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tận dụng những lợi thế của Công ty và tận dụng những cơ hội trên thị trường phát điện cạnh tranh để hoạt động SXKD của Công ty luôn ổn định, vượt kế hoạch đề ra và cổ tức luôn trả cao hơn kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao các thành viên Hội đồng quản trị luôn nỗ lực hết mình, lấy lợi ích của Công ty, lợi ích của cổ đông làm trách nhiệm của mình. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị tính Tr.kWh, Tr.đồng

| TT | Chỉ tiêu                   | 2016<br>(KT/ĐL) | 2017<br>(KT/ĐL) | 2018<br>(KT/ĐL) | 2019<br>(KT/HN) | 2020<br>(KT/HN) | Trung bình     |
|----|----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|
| 1  | Sản lượng điện sản xuất    | 304,4           | 490,98          | 445,88          | 330,91          | 551,97          | <b>425</b>     |
| 2  | Sản lượng điện thương phẩm | 299,95          | 485,33          | 440,71          | 327,28          | 545,31          | <b>420</b>     |
| 3  | Tổng doanh thu             | 266.160         | 372.353         | 430.660         | 328.055         | 550.461         | <b>389.538</b> |
| 4  | Tổng chi phí               | 128.456         | 164.697         | 174.892         | 169.440         | 290.043         | <b>185.506</b> |
| 5  | Tổng lợi nhuận trước thuế  | 137.704         | 207.656         | 255.769         | 158.615         | 260.418         | <b>204.032</b> |
| 6  | Thuế TNDN hiện hành        | 27.534          | 41.189          | 50.222          | 30.511          | 42.135          | <b>38.318</b>  |
| 7  | Tổng Lợi nhuận sau thuế    | 110.170         | 166.467         | 205.547         | 128.104         | 218.283         | <b>165.714</b> |
| 8  | Chi trả cổ tức (%)         | 20              | 25              | 20              | 20              | 25              | <b>22</b>      |



Trong nhiệm kỳ III dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty các mốc lịch sử như sau:

**1 Đạt kỷ lục về sản lượng điện sản xuất với hơn 490 triệu kWh/năm (2017).**

**2 Đạt kỷ lục về doanh thu với hơn 430 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế hơn 205 tỷ đồng (năm 2018).**

**Sở hữu công ty con và công ty liên kết**

**- Sở hữu 50.94% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Mường Hum với công suất 34,8 MW.**

**3 - Cam kết và góp vốn 49% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà 2 để xây thực hiện Dự án Thủy điện Thác Bà 2 với công suất lắp máy 18,9MW. Dự án dự kiến khởi công cuối quý II năm 2021**

**4 Trung tâm dịch vụ kỹ thuật đã xây dựng được hình ảnh một đối tác uy tín, tin cậy trong khu vực. Trong 5 năm qua, Trung tâm dịch vụ kỹ thuật đã trưởng thành và thực hiện nhiều hợp đồng dịch vụ chất lượng cao với tổng doanh thu đạt 58,65 tỷ đồng bằng 310% so với nhiệm kỳ trước.**

Hoạt động điều hành của Công ty đạt được những thành tựu sau:

Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động. Công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện. Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, Người lao động chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy của Công ty.

Công tác chuẩn bị phòng chống lụt bão thực hiện tốt, chủ động theo quy định, quy trình, không để xảy ra thiệt hại do bão lũ.

Công tác đại tu sửa chữa công trình, thiết bị, Công tác đầu tư xây dựng đã thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.

Công tác từ thiện, an sinh xã hội được quan tâm, duy trì và xem đây là một phần trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng. Trong 5 năm Công ty đã ủng hộ và giúp đỡ chính quyền và nhân dân địa phương trên 3 tỷ đồng và nhiều vật liệu, chuyển xe, ca máy.



## 2.2. Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà nhiệm kỳ III được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 tín nhiệm bầu ra gồm 5 thành viên:

|                        |                |
|------------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Quang Thắng | Chủ tịch HĐQT. |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Thành viên.    |
| Ông Nguyễn Trọng Hiền  | Thành viên.    |
| Ông Lê Tuấn Hải        | Thành viên.    |
| Ông Hồ Văn Trung       | Thành viên.    |

Trong nhiệm kỳ III, do việc điều động cán bộ trong Tổng công ty Phát điện 3 và Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh nên nhân sự HĐQT có sự thay đổi

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 24/3/2017 đã phê chuẩn miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Quang Thắng, và bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Quyền tham gia HĐQT.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 20/3/2020 đã phê chuẩn miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Trọng Hiền.

Các thành viên HĐQT hiện nay bao gồm:

|                        |                |
|------------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Chủ tịch HĐQT. |
| Ông Nguyễn Văn Quyền   | Thành viên.    |
| Ông Lê Tuấn Hải        | Thành viên.    |
| Ông Hồ Văn Trung       | Thành viên.    |

Nhiệm kỳ III (2016- 2021), Hội đồng quản trị tổ chức 23 kỳ họp; qua đó ban hành nhiều Nghị quyết và quyết định để chỉ đạo, quản lý và giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc với sự đồng thuận và nhất trí cao.

Các Biên bản, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị được lập đầy đủ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, hồ sơ tài liệu được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan.

## 3. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ IV(2021-2026)

### 3.1. Về Vận hành, Tài chính và Đầu tư

Phát điện an toàn, kinh tế; thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão; khai thác hồ chứa và tham gia thị trường điện hiệu quả đảm bảo lợi nhuận từ thị trường điện cao nhất và không vi phạm quy định thị trường điện.

Hoàn thành lập, duyệt và triển khai thành công Đề án nâng cấp thiết bị, công trình Nhà máy thủy điện Thác Bà giai đoạn 2021-2024.

Đàm phán và ký hợp đồng Mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam với giá tối ưu và có lợi nhất cho Công ty.

Triển khai và quản lý tốt Dự án Thủy điện Thác Bà 2 đạt chất lượng và tiến độ.

Quản trị Công ty con đảm bảo hoạt động hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

tiếp tục tìm kiếm và khảo sát các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực sản xuất điện.

### 3.2. Với Khách hàng

Thực hiện tốt các chương trình chăm sóc khách hàng mua điện và sử dụng dịch vụ kỹ thuật.

Duy trì đối thoại thường xuyên các đối tác, đặc biệt với các cơ quan chính quyền địa phương.

Mở rộng thị trường và phạm vi cung cấp dịch vụ của TTDVKT. Duy trì khách hàng khu vực Miền Bắc và tăng cường hợp tác với các đối tác lớn trong và ngoài nước để mở rộng phạm vi cung cấp các dịch vụ kỹ thuật có giá trị gia tăng cao.

### 3.3. Về quy trình Kinh doanh và Quản trị nội bộ

Chú trọng công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng và minh bạch trong quản lý điều hành gắn liền với trách nhiệm báo cáo và giải trình của các cấp để quản trị rủi ro.

Thường xuyên rà soát để hoàn thiện các quy định/quy trình được chuẩn hóa về quản lý/vận hành móc thiết bị, công trình xây dựng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và vận hành.

Áp dụng thực chất các hệ thống quản lý ISO, 5S ...

Tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý địa phương để phát hiện, ngăn chặn kịp thời, có biện pháp chống tái diễn... và hạn chế tối đa các vụ việc lấn chiếm hồ/đập/hạ du.

### 3.4. Về năng lực Tổ chức

Xây dựng bộ máy tổ chức gọn nhẹ và tối ưu hơn nữa nguồn nhân lực hiện có.

Nâng cao ý thức cho người lao động về tinh thần tự thực hiện/tự giác, cải tiến và tối ưu hóa là hành động xuyên suốt quy trình sản xuất kinh doanh và việc nâng cao thu nhập phải gắn với cải thiện năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Tạo môi trường làm việc thân thiện; xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng và có kế thừa các giá trị truyền thống.

Có trách nhiệm đối với các hoạt động xã hội và cộng đồng.

## PHẦN E:

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Ban điều hành
4. Thù lao, lương và các lợi ích của HĐQT, BKS và Tổng giám đốc năm 2020
5. Đào tạo về quản trị công ty
6. Giao dịch với các bên liên quan



## 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

| TT | Thành viên HĐQT         | Chức vụ<br>(thành viên<br>HĐQT độc lập,<br>TVHĐQT không<br>điều hành) | Ngày bổ<br>nhiệm | Số buổi<br>họp<br>HĐQT<br>tham dự | Tỷ lệ<br>tham dự<br>họp | Lý do<br>không<br>tham dự<br>họp |
|----|-------------------------|---|------------------|-----------------------------------|-------------------------|----------------------------------|
| 1  | Ông: Nguyễn Quang Quyền | Chủ tịch HĐQT   | 06/12/2019       | 4                                 | 100%                    |                                  |
| 2  | Ông: Lê Tuấn Hải        | TVHĐQT độc lập  | 15/04/2016       | 4                                 | 100%                    |                                  |
| 3  | Ông: Nguyễn Văn Quyền   | TVHĐQT - TGD  | 17/03/2017       | 4                                 | 100%                    |                                  |
| 4  | Ông: Hồ Văn Trung       | TVHĐQT không điều hành  | 15/04/2016       | 4                                 | 100%                    |                                  |

### 1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, đôn đốc và định hướng cho Ban Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và theo chiến lược phát triển trung, dài hạn của Công ty; các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc như sau:

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về quản trị công ty và công bố thông tin đầy đủ, đúng quy định về tình hình sản xuất kinh doanh cho cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan trên cơ sở minh bạch, chính xác và kịp thời.
- Quản lý và điều hành Công ty và Công ty con theo thông lệ quản trị tốt nhất.
- Duy trì chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng/quý/năm đối với HĐQT của Ban Tổng giám đốc về tình hình kinh doanh và điều hành Công ty.
- Duy trì chế độ báo cáo đột xuất và kịp thời chỉ đạo đối với các vấn đề bất thường xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Các thành viên HĐQT không điều hành và thành viên độc lập HĐQT đã góp phần tích cực trong việc nâng cao tính độc lập, khách quan, minh bạch, hiệu quả và chất lượng các quyết định của HĐQT.

### 1.3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty chưa thành lập các Tiểu ban trực thuộc.

### 1.4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm

| TT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung  |
|----|--------------------------|------------|---|
| 1  | 93/NQ-TĐTB-HĐQT          | 16/01/2020 | Ấn định ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020  |
| 2  | 135/NQ-TĐTB-HĐQT         | 21/01/2020 | Sửa đổi Quy chế trả lương   |
| 3  | 136/NQ-TĐTB-HĐQT         | 21/01/2020 | Phê duyệt Quỹ tiền lương thực năm 2019  |
| 4  | 302/NQ-TĐTB-HĐQT         | 20/3/2020  | Thông qua Chương trình và Dự thảo các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020   |
| 5  | 545/NQ-TĐTB-HĐQT         | 03/4/2020  | Bổ nhiệm lại TGD đối với ông Nguyễn Văn Quyền<br>- Bổ nhiệm lại GD Trung tâm dịch vụ kỹ thuật đối với ông Bùi Hoàng<br>- Bổ nhiệm lại PGĐ Trung tâm dịch vụ kỹ thuật đối với ông Hoàng Anh Tuấn   |
| 6  | 546/NQ-TĐTB-HĐQT         | 03/4/2020  | - Đề cử bà Nguyễn Thị Kim Quyên tham gia Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Mường Hum<br>Lựa chọn Công ty E&Y là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020   |
| 7  | 803/QĐ-TĐTB-HĐQT         | 14/5/2020  | Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Phụ lục chi tiêu nội bộ thuộc Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ.<br>Bổ nhiệm Quản đốc Phân xưởng Vận Hành đối với ông Đặng Khánh Linh.  |
| 8  | 1142/QĐ-TĐTB-HĐQT        | 29/6/2020  | Phê duyệt Nâng lương cho cán bộ quản lý   |
| 9  | 1453/QĐ-TĐTB-HĐQT        | 07/8/2020  | Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền<br>- Cử anh Hoàng Anh Tuấn – PGĐ Trung tâm dịch vụ kỹ thuật làm việc chuyên trách tại TBC2 và đảm nhiệm chức vụ PGĐ.<br>- Cử ông Nguyễn Trung Hiếu - Chuyên viên Phòng TCKT giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Thủy điện Mường Hum.<br>- Cử bà Nguyễn Thị Kim Quyên giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.<br>- Bổ nhiệm cán bộ quản lý đối với ông Nguyễn Hùng Cường và ông Đinh Văn Huân.<br>- Thông qua chủ trương tách riêng nhiệm vụ của Giám đốc TTDVKT và Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Mường Hum.<br>- Sửa đổi Quy chế trả lương. |
| 10 | 1569/NQ -TĐTB-HĐQT       | 27/8/2020  | - Cử ông Nguyễn Thanh Hải – PTGD để Công ty cổ phần Thủy điện Mường Hum bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.   |
| 11 | 1742/NQ -TĐTB-HĐQT       | 24/9/2020  | Thông qua chủ trương triển khai phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP của Công ty cổ phần phần mềm Bravo.  |
| 12 | 1973/NQ -TĐTB-HĐQT       | 23/10/2020 |   |

## 2. BAN KIỂM SOÁT

### 2.1. Thông tin về Thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

| TT | Thành viên BKS              | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn            |
|----|-----------------------------|------------|--|--------------------------------|
| 1  | Bà: Nguyễn Thị Huỳnh Phương | Trưởng Ban | 15/04/2016                               | Cử nhân: Kinh tế               |
| 2  | Ông: Phạm Hoàng Giang       | Thành viên | 20/03/2020                               | Cử nhân: Kế toán – Kiểm toán   |
| 3  | Bà: Trần Nguyễn Khánh Linh  | Thành viên | 24/03/2017                               | Cử nhân: Tài chính – Ngân Hàng |
| 4  | Bà: Nguyễn Thị Ngọc Oanh    | Thành viên | 20/03/2020                               | Cử nhân: Kế toán – Kiểm toán   |

### 2.2. Các cuộc họp của BKS

| TT | Thành viên BKS              | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|----|-----------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1  | Bà: Nguyễn Thị Huỳnh Phương | 2                   | 100%              | 100%             |                         |
| 2  | Ông: Phạm Hoàng Giang       | 1                   | 100%              | 100%             |                         |
| 3  | Bà: Trần Nguyễn Khánh Linh  | 2                   | 100%              | 100%             |                         |
| 4  | Bà: Nguyễn Thị Ngọc Oanh    | 1                   | 100%              | 100%             |                         |

### 2.3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông:

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra và thẩm định Báo cáo sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

### 2.4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 2.5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có.

## 3. BAN ĐIỀU HÀNH

| TT | Thành viên Ban điều hành | Chức vụ        | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                                |
|----|--------------------------|----------------|---------------------|--|
| 1  | Ông: Nguyễn Văn Quyền    | Tổng Giám đốc  | 01/03/1966          | Cử nhân: Quản trị Kinh Doanh. Kỹ sư: Hệ thống điện |
| 2  | Ông: Nguyễn Mạnh Cường   | Phó TGD        | 14/06/1979          | Kỹ sư: Kỹ thuật đo và tin học công nghiệp          |
| 3  | Ông: Nguyễn Thanh Hải    | Phó TGD        | 03/01/1967          | Kỹ sư: Hệ thống điện                               |
| 4  | Ông Lê Hồng Minh         | Kế toán trưởng | 15/02/1985          | Cử nhân: Kế toán                                   |

## 4. THÙ LAO, LƯƠNG VÀ CÁC LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020

Công ty thực hiện chi trả thù lao theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2020 đề ra, HĐQT quyết định lương, thưởng và các khoản lợi ích tài chính khác của Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

| Tên                      | Chức vụ                                   | Thu nhập             |                      |
|--------------------------|---|----------------------|----------------------|
|                          |   | Năm 2020             | Năm 2019             |
| <b>Hội đồng quản trị</b> |   |                      |                      |
| Ông Nguyễn Quang Quyền   | Chủ tịch HĐQT                             | 72.000.000           | 72.000.000           |
| Ông Nguyễn Trọng Hiền    | Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6/12/2019) | -                    | 72.000.000           |
| Ông Hồ Văn Trung         | TV HĐQT                                   | 72.000.000           | 72.000.000           |
| Ông Lê Tuấn Hải          | TV HĐQT                                   | 72.000.000           | 72.000.000           |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |   |                      |                      |
| Ông Nguyễn Văn Quyền     | TGD kiêm TV HĐQT                          | 1.116.000.000        | 1.008.000.000        |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường    | Phó TGD                                   | 687.000.000          | 600.000.000          |
| Ông Nguyễn Thanh Hải     | Phó TGD                                   | 672.000.000          | 587.000.000          |
| <b>Tổng cộng</b>         |   | <b>2.691.000.000</b> | <b>2.483.000.000</b> |

(\*) Thu nhập bao gồm: tiền lương, thù lao và tiền thưởng

## 5. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: không.

## 6. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty, của người nội bộ: Không có.
- Giao dịch giữa người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.
- Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác: Không có.
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có.

## PHẦN VII:

### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp Phát triển bền vững
2. Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
3. Các chỉ tiêu Phát triển bền vững







### Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững 2020 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà được ghép chung trong Báo cáo thường niên 2020 để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

### Mục tiêu

Báo cáo phát triển bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo thường niên nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của TBC ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

### Phạm vi

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực điện lực và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật nhất cho năm tài chính 2020, bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020.

### Căn cứ lập báo cáo

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm Báo cáo thường niên tại Thông tư 96/2020/TT-BTC dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn "Cốt lõi"; dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty.

### Địa chỉ liên hệ

TBC nỗ lực hết mình để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan bằng việc minh bạch thông tin, tăng trưởng bền vững, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội. Do đó chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà  
Địa chỉ: Tổ dân phố 1 - thị trấn Thác Bà - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái  
Điện thoại: 0216 388 4116  
Fax: 0216 388 4167

# 01. THÔNG điệp PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## Kính thưa Quý cổ đông và các bên liên quan!

Trên cương vị Tổng Giám đốc Công ty, tôi tự hào về lịch sử của Thủy điện Thác Bà. Nhà máy Thủy điện Thác Bà tự hào là Nhà máy thủy điện đầu tiên ở miền Bắc nước ta, trải qua gần 50 năm phát triển, TBC luôn khẳng định được vị thế, vai trò là một trong những nguồn điện chủ lực của hệ thống điện Quốc gia. Chúng tôi biết rằng bước tiến của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào sự thịnh vượng của cộng đồng mà chúng tôi phục vụ. Vì lẽ đó, ngay từ ngày đầu thành lập, TBC đã nỗ lực không ngừng để đem lại giá trị cao nhất cho từ những người con trong gia đình TBC đến những đối tác thân quen và cộng đồng xã hội.

Chúng tôi tin rằng phát triển bền vững không hề tách rời khỏi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà thực sự bắt nguồn từ cách doanh nghiệp vận hành. Trong chiến lược phát triển dài hạn của TBC, các mục tiêu về phát triển bền vững sẽ là kim chỉ nam để doanh nghiệp đi trên đúng con đường - con đường dẫn đến thành công đồng thời đóng góp xây dựng một xã hội tốt đẹp, văn minh.

Ngày hôm nay, phát triển bền vững đã trở thành cuộc hành trình của tất cả người lao động Thủy điện Thác Bà. Cuộc hành trình này đòi hỏi mỗi NLD TBC cần có những tư duy mới, tinh thần đổi mới sáng tạo để tạo ra những giá trị khác biệt cho cộng đồng, khơi nguồn thủy điện - thấp sáng tương lai. Và Hội đồng quản trị sẽ cam kết làm hết sức mình để đảm bảo Thủy điện Thác Bà sẽ tiếp tục tiến bước trên hành trình phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn những quan tâm của Quý vị dành cho Công ty!

### Tổng Giám đốc

**Nguyễn Văn Quyền**

## 2. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Với thông điệp khơi nguồn thủy điện - thấp sáng tương lai, TBC luôn chú trọng, quan tâm xây dựng doanh nghiệp theo hướng ổn định, bền vững, mang lại sự hài lòng cao nhất cho cổ đông, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn cho người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích cho các bên liên quan và đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng. Năm 2020, TBC tiếp tục triển khai và phát triển các chính sách, giải pháp nhằm đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn phát triển bền vững hiện nay.

### 01 Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường, xã hội

#### a. Công tác phòng chống thiên tai:

Năm 2020, tình hình mưa bão diễn ra khá phức tạp, mưa xuất hiện chủ yếu vào thời kỳ lũ muộn và sau lũ, nước về hồ đạt khoảng hơn 6.3 tỷ m<sup>3</sup> cao hơn trung bình nhiều năm. Công ty đã làm tốt công tác chuẩn bị ứng phó với tình hình xảy ra của mưa bão từ khâu lập kế hoạch, triển khai thực hiện nên không bị ảnh hưởng gì đến thiết bị, công trình.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện điều tiết hồ chứa đảm bảo an toàn công trình, phòng chống lũ cho vùng hạ du, cấp nước phục vụ hạ du theo quy trình. Thực hiện 03 đợt xả lũ qua đập tràn với tổng lượng nước xả khoảng 129 triệu m<sup>3</sup>, trong quá trình thực hiện xả đều báo cáo, thông báo đầy đủ đến vùng hạ du và các cơ quan liên quan theo quy định; tiến hành kiểm tra, nắm bắt tình hình ngập lụt vùng hạ du để kịp thời có giải pháp xử lý.

Đánh giá chung, kết quả vận hành trong mùa lũ năm 2020, công trình vận hành an toàn, tuân thủ các quy định.

#### b. Công tác bảo vệ công trình thủy điện Thác Bà

UBND tỉnh Yên Bái đã phê duyệt phương án bảo vệ công trình Thủy điện Thác Bà. Ban điều hành tiếp tục làm việc với các đơn vị liên quan để đạt được phê duyệt của Chính phủ về việc đưa công trình Thủy điện Thác Bà vào danh mục các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện Quy chế phối hợp với Công an tỉnh Yên Bái, UBND các xã, thị trấn tiếp giáp với hồ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn hồ chứa và hành lang xả lũ. Tăng cường hoạt động kiểm tra, lập biên bản vi phạm, yêu cầu hoàn trả lại nguyên trạng và tự tháo dỡ đối với các vi phạm. Tiếp tục tổ chức các hội nghị tuyên truyền cộng đồng về pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành an toàn

công trình nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ công trình.

#### c. Công tác bảo vệ môi trường

Trong những năm gần đây, Thủy điện Thác Bà luôn phát huy vai trò đầu tàu trong lĩnh vực sản xuất điện và phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế đất nước nói chung và địa phương nói riêng. Ngoài ra, Công ty đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ môi trường sinh thái cho khu vực thượng lưu, hạ lưu hồ Thác Bà, huyện Lục Yên, huyện Yên Bình, Thành phố Yên Bái.

Thực hiện nghiêm chỉnh Luật môi trường tại đơn vị, chấp hành tốt việc quản lý chất thải và chất thải nguy hại, thu gom, phân loại, quản lý, bàn giao xử lý đúng quy định, xây dựng kho chứa chất thải nguy hại đúng quy cách; Công ty thực hiện đầy đủ 4 kỳ quan trắc/năm theo yêu cầu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kết quả đo đạc phân tích các chỉ tiêu về môi trường của TBC đều trong tiêu chuẩn cho phép.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn quan tâm, đảm bảo tuổi thọ cho hàng chục ngàn hecta cây trồng, hoa màu, trồng được nhiều cây xanh, đem lại môi trường sinh thái tốt cho nhân dân trên địa bàn xung quanh Công ty. Qua kiểm tra hàng năm, Thủy điện Thác Bà luôn được các cơ quan nhà nước và tỉnh đánh giá tốt về công tác bảo vệ môi trường như: Quá trình vận hành nhà máy không phát sinh các khí độc hại. Kết quả phân tích mẫu CO, SO<sub>2</sub>, O<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, khí cháy nổ đều có chỉ số thấp hơn so với tiêu chuẩn; môi trường trong nhà máy và khu vực xung quanh là rất tốt. Các thông số về không khí, nước đều ở mức cho phép theo tiêu chuẩn nước ta; nhà máy không sử dụng các nguồn phát thải những tác nhân hóa học làm ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất, lượng nước thải của quá trình làm mát thiết bị là quá nhỏ so với lưu lượng dòng chảy hạ lưu. Nước làm mát không có yếu tố tác động gì đến môi trường; lượng rò rỉ của dầu mỡ bôi trơn rất thấp (khoảng 2 lít/tháng) và đã qua xử lý nên độ nhiễm bẩn nguồn nước là vô cùng nhỏ; hoạt động của dây truyền sản xuất điện của nhà máy không làm biến đổi môi trường nước; tiếng ồn và độ rung của nhà máy không ảnh hưởng đến dân cư khu vực Thác Bà (phạm vi không quá 300m), khu dân cư cách

nhà máy từ 1km đến 2km. Riêng đối với nguồn nước sinh hoạt cho tập thể người lao động Công ty và một số hộ dân gần khu vực được Công ty dẫn nước trực tiếp từ hồ Thác Bà, điều đó chứng tỏ công tác bảo vệ môi trường nước của Thủy điện Thác Bà luôn được lãnh đạo đơn vị đặc biệt quan tâm.

### 02 Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Ban lãnh đạo luôn quan tâm tới công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phối hợp với các đơn vị, bộ phận để làm tốt hơn nữa việc sử dụng sắp xếp, bố trí lao động đảm bảo phát huy hết năng lực làm việc, năng suất lao động cao nhất. Ngoài ra ban lãnh đạo thường xuyên xem xét bổ sung các tiêu chí cụ thể, đo lường được trong thực hiện đánh giá năng lực NLD.

Bên cạnh đó TBC thường xuyên tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và tăng cường đào tạo nâng cao nguồn nhân lực cho tất cả các vị trí trong Công ty để đáp ứng theo yêu cầu công việc mới, nâng cao ý thức cho NLD về tinh thần tự thực hiện/tự giác, cải tiến và tối ưu hóa là hành động xuyên suốt quy trình SXKD và việc nâng cao thu nhập phải gắn với cải thiện năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Công đoàn Công ty luôn quan tâm sát sao đến đời sống CBCNV, thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể như: Ngoài ra, thường xuyên cung cấp các kiến thức hữu ích về khoa học công nghệ trên website công ty. Tổ chức chăm lo, hỗ trợ người lao động nhân dịp Tháng Công nhân, Tháng hành động An toàn vệ sinh lao động; Phát động phong trào hiến máu tình nguyện - "Chủ nhật đỏ 01/03/2020); Tổ chức tập huấn công tác thị trường điện cho người lao động; Chăm lo đời sống sức khỏe cho người lao động thông qua các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19;...

Với mục tiêu mỗi NLD TBC không những giỏi về nghiệp vụ, chắc về tay nghề mà còn phải luôn trau dồi những kiến thức, đổi mới sáng tạo. Website công ty thường xuyên tổng hợp những bài viết như: Phương pháp cạo Bạc đỡ babbitt Tuabin thủy điện trực ngang, Phương pháp mài chính vành chặn chữ C- Ổ đỡ có mặt gương liền với giá treo, Các loại ổ hướng Tuabin và ưu nhược điểm trong quá trình hoạt động, Phương pháp kiểm tra độ thẳng bằng, nghiêng trục của tổ máy phát điện trong quá trình vận hành, sửa chữa, ...



## 2. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### 03 Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng địa phương

#### Uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa - nét đẹp văn hóa của Thủy điện Thác Bà

Với đạo lý “uống nước nhớ nguồn”; “Ăn quả nhớ người trồng cây”, phát huy truyền thống của Công ty và để giáo dục thế hệ trẻ luôn trân trọng, biết ơn những thế hệ ông, cha đã hy sinh, cống hiến cho Tổ quốc, cho công trình thủy điện Thác Bà; Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà đã tổ chức các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa để tưởng nhớ các Anh hùng, Liệt sỹ nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày thương binh, liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2020).

Trong dịp này các đồng chí đại diện cho Đảng ủy, Lãnh đạo, cán bộ quản lý, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Nữ Công Công ty đã tổ chức dâng hương tại Đài tưởng niệm trên công trình thủy điện Thác Bà, Nghĩa trang liệt sỹ thuộc khu 4 thị trấn Thác Bà và đến thăm hỏi, động viên, thấp hương tại các gia đình Mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty nhận phụng dưỡng.

Hoạt động thăm hỏi của đại diện các ban ngành đoàn thể của Công ty không chỉ phát huy truyền thống văn hóa, đạo lý tốt đẹp mà qua đó thể hiện tấm lòng tri ân, những người con thân yêu của đất nước đã anh dũng hi sinh về nền độc lập nước nhà, lòng biết ơn và sự quan tâm tới thân nhân những gia đình chính sách, gia đình Mẹ Việt Nam anh hùng đã chịu nhiều đau thương, mất mát vì độc lập, tự do của dân tộc và sự phát triển của đất nước.

#### Các hoạt động An sinh xã hội

Những năm qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác an sinh xã hội luôn được tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Thủy điện Thác Bà quan tâm, coi đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là trách nhiệm, tình cảm của mỗi cá nhân đối với

cộng đồng, với xã hội. An sinh xã hội thể hiện tính nhân văn, bổn phận của con người, của xã hội đối với cộng đồng và góp phần để xây dựng một xã hội hài hòa, văn minh.

TBC luôn ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội để xây dựng những cái tốt và mang lại lợi ích công, để tạo nên cái tốt chung cho cả cộng đồng và cũng chăm lo cho người lao động của mình. Cán bộ công nhân viên, người lao động dầu khí cũng luôn ý thức trách nhiệm không chỉ trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà còn có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, tình cảm tương thân tương ái được thể hiện việc mọi người đóng góp cho công tác an sinh xã hội bằng chính sức lao động, bằng trí thức của mình.

Năm 2020, Công ty đã ủng hộ An sinh xã hội trên 421 triệu đồng, cụ thể:

- Quỹ Tài trợ cho giáo dục và tài trợ các hộ gia đình khó khăn vươn lên phát triển sản xuất: 104,49 triệu đồng;
- Quỹ Phòng chống dịch bệnh Covid-19: 38,37 triệu đồng;
- Quỹ Tương thân tương ái: 44,90 triệu đồng;
- Quỹ Phòng chống thiên tai: 176,80 triệu đồng;
- Các ủng hộ khác: 56,73 triệu đồng.



### Một số hình ảnh hoạt động của Công ty trong năm 2020:



Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật



Đại diện Công ty - Tổng Giám đốc nhận cờ thi đua năm 2020 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp



Hội nghị Sơ kết thi đua khối



Tập huấn năng cao tay nghề người lao động



Cơ sở vật chất Công ty



Người lao động TBC say mê học hỏi, nâng cao tay nghề



Người lao động TBC say mê làm việc



Đăng ký mã giao dịch điện tử cho người lao động

### 3. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

#### 01 Tiêu thụ năng lượng, tài nguyên

| STT | Năng lượng/tài nguyên | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 | Chênh lệch (%) |
|-----|-----------------------|-----|----------|----------|----------------|
| 1   | Điện                  | kWh | 980,006  | 999,962  | 2,03%          |
| 2   | Xăng                  | Lít | 14,793   | 12,211   | -21,14%        |
| 3   | Dầu DO                | Lít | 14,474   | 20,539   | 41,90%         |
| 4   | Giấy                  | Kg  | 936,5    | 796,8    | -17,53%        |

#### 02 Tiêu thụ nước

Công ty là đơn vị sản xuất, kinh doanh và phân phối điện năng nên việc tiêu thụ nước chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

Nguồn cung cấp nước cho Công ty là nguồn nước từ lưu vực sông Chảy. Công ty không sử dụng nước tái chế và không thực hiện tái chế nước.

#### 03 Thực hành tiết kiệm năng lượng

Tiết kiệm năng lượng thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả như:

- Ban hành quy định sử dụng điện tiết kiệm.
- Thay thế toàn bộ bóng điện sợi đốt, cao áp bằng bóng led có hiệu suất cao.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức của Người lao động về việc tiết kiệm năng lượng.
- Công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm điện
- Trong năm qua, Công ty tiếp tục thực hiện tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm của các khách hàng cũng như CBNV của Công ty. Những giải pháp được công ty thực hiện:
- Tuyên truyền tiết kiệm điện tại các phòng giao tiếp khách hàng của Công ty. Giới thiệu trang thông tin điện tử tiết kiệm năng lượng của ngành điện: w.w.w.tietkiemnan-

gluong.vn trên website của Công ty.

- Tư vấn hỗ trợ các DN lớn trong việc áp dụng các biện pháp sử dụng điện tiết kiệm an toàn và hiệu quả.
- Tuyên truyền tới CBNV trong Công ty thực hiện nghiêm túc chủ trương tiết kiệm điện. Mỗi CBNV sẽ là một tuyên truyền viên để hướng dẫn gia đình, bạn bè, người thân cùng thực hiện tiết kiệm.
- Tuyên truyền về việc sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm như sử dụng các bóng đèn sợi đốt, bóng led có công suất cao bằng các bóng đèn compact tiết kiệm năng lượng.
- Công tác giảm tổn thất điện năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Trong năm 2020, Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp để thực hiện giảm tổn thất điện năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đánh giá nguyên nhân và đề ra các biện pháp giải quyết các trạm biến áp có tổn thất cao.
- Tăng cường quản lý vận hành lưới điện, thực hiện đo nhiệt độ và xử lý các mối nối, các vị trí tiếp xúc, các vị trí rò rỉ phóng điện.

#### 04 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường. Công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm pháp luật môi trường.

Thực hiện nghiêm chỉnh Luật môi trường tại đơn vị, chấp hành tốt việc quản lý chất thải và chất thải nguy hại, thu gom, phân loại, quản lý, bàn giao xử lý đúng quy định, xây dựng kho chứa chất thải nguy hại đúng quy cách; Công ty thực hiện đầy đủ 4 kỳ quan trắc/năm theo yêu cầu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kết quả đo đạc phân tích các chỉ tiêu về môi trường của TBC đều trong tiêu chuẩn cho phép.



#### 05 Chính sách đối với người lao động

Ban lãnh đạo luôn quan tâm tới công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phối hợp với các đơn vị, bộ phận để làm tốt hơn nữa việc sử dụng sắp xếp, bố trí lao động đảm bảo phát huy hết năng lực làm việc, năng suất lao động cao nhất. Ngoài ra ban lãnh đạo thường xuyên xem xét bổ sung các tiêu chí cụ thể, đo lường được trong thực hiện đánh giá năng lực NLD.

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi  
 Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty: Hỗ trợ 5 năm đầu nhà ở với lao động mới tuyển

Chính sách tuyển dụng  
 Coi yếu tố con người là trọng tâm chính, là những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên  
 Với truyền thống 50 năm quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, đào tạo hướng vào việc phát triển con người toàn diện, ưu tiên khuyến khích NLD tự học tập, nâng cao trình độ. Hàng năm, Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Ngoài việc đào tạo để đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty còn thực hiện dịch vụ bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành sửa chữa cho các nhà máy điện trong khu vực Miền Bắc, Miền Trung.

Chế độ làm việc  
 Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định Pháp luật về lao động. Thỏa ước tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.



“

*Ngày hôm nay, phát triển bền vững đã trở thành cuộc hành trình của tất cả người lao động Thủy điện Thác Bà. Cuộc hành trình này đòi hỏi mỗi người lao động TBC cần có những tư duy mới, tinh thần đổi mới sáng tạo để tạo ra những giá trị khác biệt cho cộng đồng, thực hiện hóa sứ mệnh khơi nguồn thủy điện - thắp sáng tương lai.*

”





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## MỤC LỤC

|   | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung                               | 1            |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                 | 2            |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                     | 3 - 4        |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 5 - 6        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 7            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 8 - 9        |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        | 10 - 37      |



# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam và một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                        |            |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Chủ tịch   |
| Ông Nguyễn Văn Quyền   | Thành viên |
| Ông Hồ Văn Trung       | Thành viên |
| Ông Lê Tuấn Hải        | Thành viên |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                            |            |                                     |
|----------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương | Trưởng ban |                                     |
| Bà Trần Nguyễn Khánh Linh  | Thành viên |                                     |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020   |
| Ông Phạm Hoàng Giang       | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020 |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Quyền  | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thanh Hải  | Phó Tổng Giám đốc |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61201381/21881478/HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) được lập ngày 6 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trịnh Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0754-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>289.250.564.783</b>   | <b>248.689.319.795</b>   |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>5</b>    | <b>110.345.444.910</b>   | <b>35.685.593.416</b>    |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 31.845.444.910           | 14.435.593.416           |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 78.500.000.000           | 21.250.000.000           |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>15.965.000.000</b>    | <b>39.459.000.000</b>    |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 6.1         | 15.965.000.000           | 39.459.000.000           |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>116.802.763.142</b>   | <b>101.178.149.291</b>   |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 7           | 70.123.558.601           | 98.936.256.317           |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          |             | 1.761.719.217            | 376.599.089              |
| 135        | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 8           | 20.000.000.000           | -                        |
| 136        | 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 9           | 27.681.279.102           | 3.928.308.522            |
| 137        | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 7           | (2.763.793.778)          | (2.063.014.637)          |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>10</b>   | <b>4.514.292.409</b>     | <b>4.690.271.052</b>     |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |             | 4.514.292.409            | 4.690.271.052            |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>41.623.064.322</b>    | <b>67.676.306.036</b>    |
| 152        | 1. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 41.623.064.322           | 62.286.673.261           |
| 153        | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 15          | -                        | 5.389.632.775            |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>1.309.572.243.273</b> | <b>1.392.231.459.958</b> |
| <b>220</b> | <b>I. Tài sản cố định</b>                    |             | <b>1.066.249.451.102</b> | <b>1.147.021.849.043</b> |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 11          | 1.049.850.392.275        | 1.130.352.623.765        |
| 222        | Nguyên giá                                   |             | 2.549.387.413.656        | 2.548.436.786.453        |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (1.499.537.021.381)      | (1.418.084.162.688)      |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 12          | 16.399.058.827           | 16.669.225.278           |
| 228        | Nguyên giá                                   |             | 20.763.322.400           | 20.680.322.400           |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (4.364.263.573)          | (4.011.097.122)          |
| <b>240</b> | <b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>           |             | <b>10.433.402.018</b>    | <b>326.880.102</b>       |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 13          | 10.433.402.018           | 326.880.102              |
| <b>250</b> | <b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>         |             | <b>87.049.000.000</b>    | <b>81.169.000.000</b>    |
| 252        | 1. Đầu tư vào công ty liên kết               | 6.2         | 5.880.000.000            | -                        |
| 253        | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 6.3         | 81.169.000.000           | 81.169.000.000           |
| <b>260</b> | <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              |             | <b>145.840.390.153</b>   | <b>163.713.730.813</b>   |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 |             | 1.092.858.126            | 2.579.685.726            |
| 269        | 2. Lợi thế thương mại                        | 14          | 144.747.532.027          | 161.134.045.087          |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>1.598.822.808.056</b> | <b>1.640.920.779.753</b> |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   |             | <b>366.087.649.637</b>   | <b>495.408.364.396</b>   |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   |             | <b>80.087.649.637</b>    | <b>121.221.154.541</b>   |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                |             | 649.925.324              | 20.629.307.431           |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          |             | 1.072.350.350            | 2.290.958.094            |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 15          | 7.287.765.948            | 1.743.165.800            |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                    |             | 10.220.194.551           | 6.477.863.062            |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 16          | 12.323.995.910           | 6.158.821.773            |
| 319        | 6. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 17          | 8.959.571.066            | 39.147.250.399           |
| 320        | 7. Vay ngắn hạn   | 18          | 38.000.000.000           | 43.160.000.000           |
| 322        | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 19          | 1.573.846.488            | 1.613.787.982            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>   |             | <b>286.000.000.000</b>   | <b>374.187.209.855</b>   |
| 338        | 1. Vay dài hạn  | 18          | 286.000.000.000          | 374.187.209.855          |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      |             | <b>1.232.735.158.419</b> | <b>1.145.512.415.357</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>20</b>   | <b>1.232.735.158.419</b> | <b>1.145.512.415.357</b> |
| 411        | 1. Vốn cổ phần  |             | 635.000.000.000          | 635.000.000.000          |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 635.000.000.000          | 635.000.000.000          |
| 421        | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 391.826.594.454          | 341.805.052.940          |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 210.878.493.233          | 215.068.435.755          |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   |             | 180.948.101.221          | 126.736.617.185          |
| 429        | 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                            |             | 205.908.563.965          | 168.707.362.417          |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>1.598.822.808.056</b> | <b>1.640.920.779.753</b> |

Người lập  
Nguyễn Trung Hiếu

Kế toán trưởng  
Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 22.1        | 533.010.767.002   | 296.912.447.278   |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 22.1        | -                 | -                 |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.1        | 533.010.767.002   | 296.912.447.278   |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp            | 23          | (199.598.856.338) | (124.148.506.968) |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 333.411.910.664   | 172.763.940.310   |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 22.2        | 11.172.040.389    | 30.575.994.924    |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 24          | (36.331.155.974)  | (11.389.237.042)  |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                          |             | (36.331.155.974)  | (14.128.237.042)  |
| 24    | 8. Phần lãi trong công ty liên kết                 | 6.2         | -                 | -                 |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25          | (53.572.466.286)  | (33.405.762.789)  |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 254.680.328.793   | 158.544.935.403   |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                  | 26          | 6.278.328.180     | 566.868.803       |
| 32    | 12. Chi phí khác                                   | 26          | (540.955.974)     | (496.053.442)     |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                                 | 26          | 5.737.372.206     | 70.815.361        |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 260.417.700.999   | 158.615.750.764   |
| 51    | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 28.1        | (42.134.957.937)  | (30.510.880.497)  |
| 60    | 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN                        |             | 218.282.743.062   | 128.104.870.267   |
| 61    | 17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              |             | 180.948.101.221   | 126.736.617.185   |
| 62    | 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát |             | 37.334.641.841    | 1.368.253.082     |
| 70    | 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 30          | 2.850             | 1.941             |
| 71    | 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 30          | 2.850             | 1.941             |

Người lập  
Nguyễn Trung Hiếu

Kế toán trưởng  
Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| Mã số     | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước                |
|-----------|---|-------------|-------------------------|--------------------------|
|           | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>   |             |                         |                          |
| <b>01</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>   |             | <b>260.417.700.999</b>  | <b>158.615.750.764</b>   |
|           | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>  |             |                         |                          |
| 02        | Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) |             | 99.460.395.051          | 53.127.998.003           |
| 03        | Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng  |             | 700.779.141             | (2.444.962.114)          |
| 05        | Lãi từ hoạt động đầu tư   |             | (12.382.193.389)        | (30.575.994.924)         |
| 06        | Chi phí lãi vay   | 24          | 36.331.155.974          | 14.128.237.042           |
| <b>08</b> | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                                      |             | <b>384.527.837.776</b>  | <b>192.851.028.771</b>   |
| 09        | Giảm các khoản phải thu   |             | 37.957.449.240          | 114.728.004.923          |
| 10        | Giảm/(tăng) hàng tồn kho  |             | 175.978.643             | (506.805.909)            |
| 11        | Tăng các khoản phải trả   |             | (10.709.622.691)        | (4.168.977.017)          |
| 12        | Giảm/(tăng) chi phí trả trước   |             | 1.486.827.600           | (826.128.524)            |
| 14        | Tiền lãi vay đã trả   |             | (36.190.158.968)        | (8.979.250.741)          |
| 15        | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15          | (35.038.149.313)        | (35.098.798.715)         |
| 16        | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   |             | -                       | 51.420.000               |
| 17        | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  |             | (3.451.517.000)         | (3.031.759.091)          |
| <b>20</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  |             | <b>338.758.645.287</b>  | <b>255.018.733.697</b>   |
|           | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |             |                         |                          |
| 21        | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định   |             | (17.644.488.527)        | (741.323.555.492)        |
| 22        | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định  |             | 1.210.153.000           | -                        |
| 23        | Tiền chi cho vay, mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn   |             | (121.187.000.000)       | (255.639.500.000)        |
| 24        | Tiền thu hồi khoản cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn   |             | 124.681.000.000         | 445.557.000.000          |
| 25        | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | (43.289.631.309)        | (15.554.015.995)         |
| 27        | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 12.488.940.398          | 36.874.828.875           |
| <b>30</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>   |             | <b>(43.741.026.438)</b> | <b>(530.085.242.612)</b> |



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>         |             |                   |                   |
| 33    | Tiền thu từ đi vay   |             | -                 | 360.000.000.000   |
| 34    | Tiền trả nợ gốc vay  |             | (93.347.209.855)  | (1.580.000.000)   |
| 36    | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                    |             | (127.010.557.500) | (126.996.592.815) |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính |             | (220.357.767.355) | 231.423.407.185   |
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                            |             | 74.659.851.494    | (43.643.101.730)  |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                           |             | 35.685.593.416    | 79.328.695.146    |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                          | 5           | 110.345.444.910   | 35.685.593.416    |



Người lập  
Nguyễn Trung Hiếu



Kế toán trưởng  
Lê Hồng Minh




Tổng Giám đốc  
Nguyễn Văn Quyền

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam và một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 160 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 165 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một công ty con với thông tin chi tiết như sau :

| <i>Tên công ty</i>                                | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ biểu quyết</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i>                                       | <i>Hoạt động chính trong năm</i> |
|---|----------------------|-------------------------|---|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – công ty con | 50,94%               | 50,94%                  | Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh điện năng |

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty cũng có một công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 4 và 6.2.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng** (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và công ty con là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một Chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh) và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

|   |   |  |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền                                       |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang          | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan |

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                        |             |
|------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 năm |
| Máy móc, thiết bị      | 5 - 20 năm  |
| Phương tiện vận tải    | 9 - 15 năm  |
| Thiết bị văn phòng     | 3 - 10 năm  |
| Tài sản cố định khác   | 10 năm      |
| Quyền sử dụng đất      | 50 năm      |
| Phần mềm máy tính      | 3 năm       |

#### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 97% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH**

**4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum**

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum trong năm 2019 và kết quả của giao dịch hợp nhất kinh doanh này không thay đổi so với kết quả xác định tạm thời được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

**4.2 Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, một công ty liên kết**

Căn cứ theo Nghị quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty, trong năm, Công ty đã góp 5.880.000.000 VND tương ứng với 49% tỷ lệ sở hữu vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 đã trở thành công ty liên kết của Công ty. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200899087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 11 năm 2020. Hoạt động chính trong năm của công ty này là đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                | <i>Đơn vị tính: VND</i>       |                              |
|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
|                                | <i>Số cuối năm</i>            | <i>Số đầu năm</i>            |
| Tiền mặt                       | 755.213.195                   | 318.928.903                  |
| Tiền gửi ngân hàng             | 31.090.231.715                | 14.066.664.513               |
| Tiền đang chuyển               | -                             | 50.000.000                   |
| Các khoản tương đương tiền (*) | <u>78.500.000.000</u>         | <u>21.250.000.000</u>        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b><u>110.345.444.910</u></b> | <b><u>35.685.593.416</u></b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất là 3,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 0,5%/năm tới 4,3%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

|                    | <i>Số cuối năm</i>    |                       | <i>Số đầu năm</i>     |                       |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                    | <i>Giá gốc</i>        | <i>Giá trị ghi sổ</i> | <i>Giá gốc</i>        | <i>Giá trị ghi sổ</i> |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 15.965.000.000        | 15.965.000.000        | 39.459.000.000        | 39.459.000.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>15.965.000.000</b> | <b>15.965.000.000</b> | <b>39.459.000.000</b> | <b>39.459.000.000</b> |

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 9 đến 10 tháng và hưởng lãi suất từ 5,4%/năm đến 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 6,5%/năm đến 7,4%/năm).

**6.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

*Đơn vị tính: VND*  
*Công ty Cổ phần*  
*Đầu tư Thủy điện*  
*Thác Bà 2*

|  |               |
|--|---------------|
| <b>Giá trị đầu tư:</b>                                   |               |
| Số đầu năm   | -             |
| - Góp vốn (*)  | 5.880.000.000 |
| Số cuối năm  | 5.880.000.000 |
| <br><b>Phần lợi nhuận sau thuế được hưởng trong năm:</b> | <br>-         |
| <br><b>Giá trị còn lại:</b>                              |               |
| Số đầu năm   | -             |
| Số cuối năm  | 5.880.000.000 |

(\*) Như trình bày ở Thuyết minh số 4, trong năm 2020, Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền là 5.880.000.000 VND tương ứng 8.465.289 cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết mà Công ty nắm giữ trong công ty này lần lượt là 49% và 40%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

*Đơn vị tính: VND*

|  | Số cuối năm  |                       |          | Số đầu năm     |              |                       |          |                |
|--|--------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|-----------------------|----------|----------------|
|  | Tỷ lệ sở hữu | Giá gốc               | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Tỷ lệ sở hữu | Giá gốc               | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i) | 0,6%         | 32.619.000.000        | -        | 57.000.000.000 | 0,6%         | 32.619.000.000        | -        | 40.380.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (ii)   | 5%           | 48.550.000.000        | -        | (ii)           | 5%           | 48.550.000.000        | -        | (ii)           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         |              | <b>81.169.000.000</b> | <b>-</b> |                |              | <b>81.169.000.000</b> | <b>-</b> |                |

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2020 là 19.000 VND/cổ phiếu.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|   | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | <i>Số cuối năm</i>           | <i>Số đầu năm</i>            |
| Phải thu của khách hàng                           | 7.849.924.677                | 5.409.996.682                |
| - Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải                  | 3.790.965.910                | 4.290.969.910                |
| - Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến       | 1.929.428.233                | -                            |
| - Phải thu của khách hàng khác                    | 2.129.530.534                | 1.119.026.772                |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | <u>62.273.633.924</u>        | <u>93.526.259.635</u>        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b><u>70.123.558.601</u></b> | <b><u>98.936.256.317</u></b> |
| Dự phòng phải thu khó đòi                         | (2.763.793.778)              | (2.063.014.637)              |

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

| <i>Bên nhận vay</i>  | <i>Số tiền (VND)</i> | <i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>   | <i>Lãi suất (%/năm)</i> | <i>Hình thức đảm bảo</i> |
|--|----------------------|---|-------------------------|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Công ty liên kết của công ty mẹ | 20.000.000.000       | Lãi vay được trả định kỳ 3 tháng một lần; gốc vay được thanh toán khi đáo hạn vào ngày 5 tháng 3 năm 2021 | 6,5%                    | Tín chấp                 |

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

|  | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                             |
|--|------------------------------|-----------------------------|
|  | <i>Số cuối năm</i>           | <i>Số đầu năm</i>           |
| Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*)          | 14.349.463.900               | -                           |
| Ký quỹ mở thư tín dụng   | 9.546.080.528                | -                           |
| Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay                            | 568.041.431                  | 947.382.152                 |
| Phải thu tiền cổ tức   | 750.000.000                  | 1.500.000.000               |
| Tạm ứng cho nhân viên  | 180.539.775                  | 510.942.564                 |
| Phải thu khác  | <u>2.287.153.468</u>         | <u>969.983.806</u>          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b><u>27.681.279.102</u></b> | <b><u>3.928.308.522</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>   |                              |                             |
| <i>Phải thu ngắn hạn với bên khác</i>                          | 13.304.445.339               | 3.928.308.522               |
| <i>Phải thu ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i> | 14.376.833.763               | -                           |

(\*) Đây là khoản phải thu lại từ Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo các Hợp đồng mua bán điện và Hợp đồng mua bán điện sửa đổi sau đó ký kết giữa Công ty, công ty con với Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến số tiền phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được Công ty và công ty con nộp vào ngân sách nhà nước theo Nghị định 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

|                                     | <i>Số cuối năm</i>   |                 | <i>Số đầu năm</i>    |                 |
|-------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                                     | <i>Giá gốc</i>       | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá gốc</i>       | <i>Dự phòng</i> |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 4.009.565.139        | -               | 4.041.256.079        | -               |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 415.971.228          | -               | 583.468.623          | -               |
| Công cụ, dụng cụ                    | 88.756.042           | -               | 65.546.350           | -               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>4.514.292.409</b> | <b>-</b>        | <b>4.690.271.052</b> | <b>-</b>        |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

|                                 | <i>Nhà cửa,<br/>vật kiến trúc</i> | <i>Máy móc,<br/>thiết bị</i> | <i>Phương tiện<br/>vận tải</i> | <i>Thiết bị<br/>văn phòng</i> | <i>Tài sản<br/>cố định khác</i> | <i>Tổng cộng</i>         |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá:</b>              |                                   |                              |                                |                               |                                 |                          |
| Số đầu năm                      | 1.344.924.736.197                 | 1.171.354.629.305            | 24.149.137.653                 | 7.057.729.798                 | 950.553.500                     | 2.548.436.786.453        |
| - Mua trong năm                 | -                                 | 707.050.000                  | 1.491.164.363                  | -                             | -                               | 2.198.214.363            |
| - Thanh lý, nhượng bán          | -                                 | (743.104.802)                | (470.527.793)                  | (33.954.564)                  | -                               | (1.247.587.159)          |
| Số cuối năm                     | <u>1.344.924.736.197</u>          | <u>1.171.318.574.503</u>     | <u>25.169.774.223</u>          | <u>7.023.775.234</u>          | <u>950.553.500</u>              | <u>2.549.387.413.656</u> |
| <i>Trong đó:</i>                |                                   |                              |                                |                               |                                 |                          |
| <i>Đã khấu hao hết</i>          | <i>13.020.671.339</i>             | <i>505.546.462.302</i>       | <i>11.656.082.460</i>          | <i>4.687.922.311</i>          | <i>150.500.000</i>              | <i>535.061.638.412</i>   |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b> |                                   |                              |                                |                               |                                 |                          |
| Số đầu năm                      | 498.234.587.456                   | 899.063.305.891              | 14.763.878.095                 | 5.260.363.474                 | 762.027.772                     | 1.418.084.162.688        |
| - Khấu hao trong năm            | 40.565.565.459                    | 40.229.725.144               | 1.272.254.833                  | 514.941.139                   | 117.959.277                     | 82.700.445.852           |
| - Thanh lý, nhượng bán          | -                                 | (743.104.802)                | (470.527.793)                  | (33.954.564)                  | -                               | (1.247.587.159)          |
| Số cuối năm                     | <u>538.800.152.915</u>            | <u>938.549.926.233</u>       | <u>15.565.605.135</u>          | <u>5.741.350.049</u>          | <u>879.987.049</u>              | <u>1.499.537.021.381</u> |
| <b>Giá trị còn lại:</b>         |                                   |                              |                                |                               |                                 |                          |
| Số đầu năm                      | <u>846.690.148.741</u>            | <u>272.291.323.414</u>       | <u>9.385.259.558</u>           | <u>1.797.366.324</u>          | <u>188.525.728</u>              | <u>1.130.352.623.765</u> |
| Số cuối năm                     | <u>806.124.583.282</u>            | <u>232.768.648.270</u>       | <u>9.604.169.088</u>           | <u>1.282.425.185</u>          | <u>70.566.451</u>               | <u>1.049.850.392.275</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

|                                | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng cộng      |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| <b>Nguyên giá:</b>             |                   |                   |                |
| Số đầu năm                     | 20.558.322.400    | 122.000.000       | 20.680.322.400 |
| - Mua trong năm                | -                 | 160.000.000       | 160.000.000    |
| - Giảm khác                    | -                 | (77.000.000)      | (77.000.000)   |
| Số cuối năm                    | 20.558.322.400    | 205.000.000       | 20.763.322.400 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b> |                   |                   |                |
| Số đầu năm                     | 3.927.161.638     | 83.935.484        | 4.011.097.122  |
| - Hao mòn trong năm            | 411.166.452       | 18.999.999        | 430.166.451    |
| - Giảm khác                    | -                 | (77.000.000)      | (77.000.000)   |
| Số cuối năm                    | 4.338.328.090     | 25.935.483        | 4.364.263.573  |
| <b>Giá trị còn lại:</b>        |                   |                   |                |
| Số đầu năm                     | 16.631.160.762    | 38.064.516        | 16.669.225.278 |
| Số cuối năm                    | 16.219.994.310    | 179.064.517       | 16.399.058.827 |

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VND

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm         |
|---|-----------------------|--------------------|
| Dự án nâng cấp hệ thống DCS   | 9.230.801.328         | -                  |
| Hệ thống kích từ, điều tốc của các tổ máy phát điện và hệ thống rơ le đường dây 110KV đến DCS | 760.000.000           | -                  |
| Dự án khác  | 442.600.690           | 326.880.102        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>10.433.402.018</b> | <b>326.880.102</b> |

**14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

|                               |                 |
|-------------------------------|-----------------|
| <b>Nguyên giá:</b>            |                 |
| Số đầu năm và số cuối năm (*) | 163.865.130.597 |
| <b>Phân bổ lũy kế:</b>        |                 |
| Số đầu năm                    | 2.731.085.510   |
| - Phân bổ trong năm           | 16.386.513.060  |
| Số cuối năm                   | 19.117.598.570  |
| <b>Giá trị còn lại:</b>       |                 |
| Số đầu năm                    | 161.134.045.087 |
| Số cuối năm                   | 144.747.532.027 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|  | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                        |                          |                      |                      |
|--|-------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
|  | Số đầu năm              | Số phải nộp trong năm  | Số đã nộp trong năm      | Giảm khác            | Số cuối năm          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2) | (3.953.792.768)         | 42.134.957.937         | (35.038.149.313)         |                      | 3.143.015.856        |
| Thuế tài nguyên                                  | (964.112.224)           | 50.943.803.064         | (48.382.462.370)         | -                    | 1.597.228.470        |
| Thuế giá trị gia tăng                            | (471.727.783)           | 30.656.830.785         | (28.253.044.845)         | -                    | 1.932.058.157        |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 166.008.896             | 1.826.566.532          | (1.864.804.122)          | -                    | 127.771.306          |
| Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước         | 784.587.204             | 7.654.549.060          | (7.951.444.105)          | -                    | 487.692.159          |
| Thuế khác  | 792.569.700             | 577.764.319            | (577.764.319)            | (792.569.700)        | -                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>(3.646.466.975)</b>  | <b>133.794.471.697</b> | <b>(122.067.669.074)</b> | <b>(792.569.700)</b> | <b>7.287.765.948</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                 |                         |                        |                          |                      |                      |
| Thuế phải nộp                                    | 1.743.165.800           |                        |                          |                      | 7.287.765.948        |
| Thuế phải thu                                    | (5.389.632.775)         |                        |                          |                      | -                    |

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                      |
|--------------------------------|-------------------------|----------------------|
|                                | Số cuối năm             | Số đầu năm           |
| Chi phí lãi vay                | 5.289.983.307           | 5.148.986.301        |
| Mua sắm tài sản cố định        | 4.430.799.603           | -                    |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định   | 1.766.288.000           | -                    |
| Chi phí phải trả ngắn hạn khác | 836.925.000             | 1.009.835.472        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>12.323.995.910</b>   | <b>6.158.821.773</b> |

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|   | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                       |
|---|-------------------------|-----------------------|
|   | Số cuối năm             | Số đầu năm            |
| Phí bảo vệ môi trường rừng                | 5.465.244.096           | 1.325.712.096         |
| Thù lao hỗ trợ công tác quản lý điều hành | 455.000.000             | -                     |
| Cổ tức phải trả                           | 146.891.749             | 157.449.249           |
| Phải trả tiền mua cổ phần                 | -                       | 37.409.631.309        |
| Phải trả ngắn hạn khác                    | 2.892.435.221           | 254.457.745           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>8.959.571.066</b>    | <b>39.147.250.399</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

*Đơn vị tính: VND*

|                                   | <i>Số đầu năm</i>      |                              | <i>Số phát sinh trong năm</i> |                          | <i>Số cuối năm</i>     |                              |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------------|
|                                   | <i>Giá trị</i>         | <i>Số có khả năng trả nợ</i> | <i>Tăng</i>                   | <i>Giảm</i>              | <i>Giá trị</i>         | <i>Số có khả năng trả nợ</i> |
| <b>Vay ngắn hạn</b>               |                        |                              |                               |                          |                        |                              |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả | 42.320.000.000         | 42.320.000.000               | 38.000.000.000                | (42.320.000.000)         | 38.000.000.000         | 38.000.000.000               |
| Vay ngắn hạn cá nhân              | 840.000.000            | 840.000.000                  | -                             | (840.000.000)            | -                      | -                            |
|                                   | <b>43.160.000.000</b>  | <b>43.160.000.000</b>        | <b>38.000.000.000</b>         | <b>(43.160.000.000)</b>  | <b>38.000.000.000</b>  | <b>38.000.000.000</b>        |
| <b>Vay dài hạn</b>                |                        |                              |                               |                          |                        |                              |
| Vay dài hạn ngân hàng             | 374.187.209.855        | 374.187.209.855              | -                             | (88.187.209.855)         | 286.000.000.000        | 286.000.000.000              |
|                                   | <b>374.187.209.855</b> | <b>374.187.209.855</b>       | <b>-</b>                      | <b>(88.187.209.855)</b>  | <b>286.000.000.000</b> | <b>286.000.000.000</b>       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>417.347.209.855</b> | <b>417.347.209.855</b>       | <b>38.000.000.000</b>         | <b>(131.347.209.855)</b> | <b>324.000.000.000</b> | <b>324.000.000.000</b>       |

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

| <i>Ngân hàng / Hợp đồng vay</i>                               | <i>Số cuối năm (VND)</i> | <i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>                      | <i>Lãi suất (%/năm)</i> | <i>Hình thức đảm bảo</i>  |
|---|--------------------------|---|-------------------------|---|
| <b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội</b> |                          |   |                         |   |
| 01/2019-HDDCVDADDT/NHCT106-MHP                                | 324.000.000.000          | Gốc và lãi vay trả hàng quý, đến tháng 9 năm 2026 | 8,85% - 9,5%            | Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy thủy điện Mường Hum, tại xã Mường Hum, xã Dền Thành và xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. |

**TỔNG CỘNG** **324.000.000.000**

*Trong đó:*  
 Vay dài hạn đến hạn trả 38.000.000.000  
 Vay dài hạn 286.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

|  | <i>Đơn vị tính: VND</i>     |                             |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
|  | <i>Năm nay</i>              | <i>Năm trước</i>            |
| Số đầu năm   | 1.613.787.982               | 1.150.857.385               |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm<br>(Thuyết minh số 20.1) | 3.500.000.000               | 3.500.000.000               |
| Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm                        | <u>(3.539.941.494)</u>      | <u>(3.037.069.403)</u>      |
| <b>Số cuối năm</b>   | <b><u>1.573.846.488</u></b> | <b><u>1.613.787.982</u></b> |

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

|   | <i>Đơn vị tính: VND</i>       |  |  |                                 |
|---|-------------------------------|--|--|---------------------------------|
|   | <i>Vốn cổ phần</i>            | <i>Lợi nhuận sau thuế<br/>chưa phân phối</i> | <i>Lợi ích cổ đông<br/>không kiểm soát</i> | <i>Tổng cộng</i>                |
| <b>Năm trước</b>  |                               |  |  |                                 |
| Số đầu năm  | 635.000.000.000               | 250.606.435.755                              | -  | 885.606.435.755                 |
| - Lợi nhuận thuần trong năm                                   | -                             | 126.736.617.185                              | 1.368.253.082                              | 128.104.870.267                 |
| - Tăng do hợp nhất kinh doanh                                 | -                             | -  | 167.339.109.335                            | 167.339.109.335                 |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 19)         | -                             | (3.500.000.000)                              | -  | (3.500.000.000)                 |
| - Cổ tức công bố  | -                             | (31.750.000.000)                             | -  | (31.750.000.000)                |
| - Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách     | -                             | (288.000.000)                                | -  | (288.000.000)                   |
| <b>Số cuối năm</b>  | <b><u>635.000.000.000</u></b> | <b><u>341.805.052.940</u></b>                | <b><u>168.707.362.417</u></b>              | <b><u>1.145.512.415.357</u></b> |
| <b>Năm nay</b>  |                               |  |  |                                 |
| Số đầu năm  | 635.000.000.000               | 341.805.052.940                              | 168.707.362.417                            | 1.145.512.415.357               |
| - Lợi nhuận thuần trong năm                                   | -                             | 180.948.101.221                              | 37.334.641.841                             | 218.282.743.062                 |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (Thuyết minh số 19)     | -                             | (3.500.000.000)                              | -  | (3.500.000.000)                 |
| - Cổ tức công bố (*)  | -                             | (127.000.000.000)                            | -  | (127.000.000.000)               |
| - Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách (*) | -                             | (288.000.000)                                | -  | (288.000.000)                   |
| - Giảm khác   | -                             | (138.559.707)                                | (133.440.293)                              | (272.000.000)                   |
| <b>Số cuối năm</b>  | <b><u>635.000.000.000</u></b> | <b><u>391.826.594.454</u></b>                | <b><u>205.908.563.965</u></b>              | <b><u>1.232.735.158.419</u></b> |

(\*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 được thực hiện theo Nghị quyết số 429/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Chi tiết vốn cổ phần**

|                  | Số cuối năm       |                   |                 | Số đầu năm        |                   |                 |
|------------------|-------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-------------------|-----------------|
|                  | Tổng số           | Cổ phiếu thường   | Cổ phiếu ưu đãi | Tổng số           | Cổ phiếu thường   | Cổ phiếu ưu đãi |
| Vốn góp cổ đông  | 63.500.000        | 63.500.000        | -               | 63.500.000        | 63.500.000        | -               |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>63.500.000</b> | <b>63.500.000</b> | <b>-</b>        | <b>63.500.000</b> | <b>63.500.000</b> | <b>-</b>        |

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

| Cổ đông                                    | Vốn cổ phần (VND)      | Tỷ lệ (%)   |
|--|------------------------|-------------|
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E (*)          | 383.651.680.000        | 60,42%      |
| Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | 190.500.000.000        | 30,00%      |
| Các cổ đông khác                           | 60.848.320.000         | 9,58%       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                           | <b>635.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

(\*) Vào ngày 13 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh R.E.E đã chuyển nhượng toàn bộ 38.365.168 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 60,42% tại Công ty cho Công ty TNHH Năng lượng R.E.E, công ty cùng Tập đoàn. Kể từ ngày này, Công ty TNHH Năng lượng R.E.E đã trở thành công ty mẹ của Công ty.

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

|                           | Đơn vị tính: VND       |                        |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
|                           | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Vốn đã góp</b>         |                        |                        |
| Số đầu năm và số cuối năm | 635.000.000.000        | 635.000.000.000        |
| <b>Cổ tức đã công bố</b>  | <b>127.000.000.000</b> | <b>31.750.000.000</b>  |
| <b>Cổ tức đã trả</b>      | <b>127.010.557.500</b> | <b>126.996.592.815</b> |

**20.4 Cổ tức**

|   | Đơn vị tính: VND      |                |
|---|-----------------------|----------------|
|   | Năm nay               | Năm trước      |
| <b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>  |                       |                |
| <i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>   |                       |                |
| Cổ tức cho năm 2018 đợt 2: 500 VND/cổ phiếu   | -                     | 31.750.000.000 |
| Cổ tức cho năm 2019: 2.000 VND/cổ phiếu   | 127.000.000.000       | -              |
| <b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 (*)</b> | <b>63.500.000.000</b> | <b>-</b>       |

(\*) Vào ngày 19 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền với mức chi trả 1.000 VND/cổ phiếu tại Nghị quyết số 104/NQ-TĐTB-HĐQT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.5 Cổ phiếu**

|   | Số cuối năm       |                        | Số đầu năm        |                        |
|---|-------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
|   | Số lượng          | VND                    | Số lượng          | VND                    |
| <b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>                         | <b>63.500.000</b> | <b>635.000.000.000</b> | <b>63.500.000</b> | <b>635.000.000.000</b> |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>                 | <b>63.500.000</b> | <b>635.000.000.000</b> | <b>63.500.000</b> | <b>635.000.000.000</b> |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | 63.500.000        | 635.000.000.000        | 63.500.000        | 635.000.000.000        |
| Cổ phiếu phổ thông                                    | 63.500.000        | 635.000.000.000        | 63.500.000        | 635.000.000.000        |
| Cổ phiếu ưu đãi                                       | -                 | -                      | -                 | -                      |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>                | <b>63.500.000</b> | <b>635.000.000.000</b> | <b>63.500.000</b> | <b>635.000.000.000</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                                    | 63.500.000        | 635.000.000.000        | 63.500.000        | 635.000.000.000        |
| Cổ phiếu ưu đãi                                       | -                 | -                      | -                 | -                      |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

**21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

|                   | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại |             |            |
| - Đô la Mỹ (USD)  | 194         | 337        |

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|   | Đơn vị tính: VND       |                        |
|---|------------------------|------------------------|
|   | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Tổng doanh thu</b>                               | <b>533.010.767.002</b> | <b>296.912.447.278</b> |
| Trong đó  |                        |                        |
| Doanh thu bán điện                                  | 521.492.949.330        | 286.108.546.023        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                          | 11.517.817.672         | 10.803.901.255         |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                 | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>Doanh thu thuần</b>                              | <b>533.010.767.002</b> | <b>296.912.447.278</b> |
| Trong đó:   |                        |                        |
| Doanh thu đối với bên khác                          | 11.481.454.036         | 10.803.901.255         |
| Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 521.529.312.966        | 286.108.546.023        |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU** (tiếp theo)

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                             | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                             | <i>Năm nay</i>               | <i>Năm trước</i>             |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay  | 5.122.040.389                | 23.325.994.924               |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 6.050.000.000                | 7.250.000.000                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b><u>11.172.040.389</u></b> | <b><u>30.575.994.924</u></b> |

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                                 | <i>Đơn vị tính: VND</i>       |                               |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                                 | <i>Năm nay</i>                | <i>Năm trước</i>              |
| Giá vốn của hoạt động bán điện  | 195.271.173.405               | 120.648.567.745               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 4.327.682.933                 | 3.499.939.223                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b><u>199.598.856.338</u></b> | <b><u>124.148.506.968</u></b> |

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|   | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | <i>Năm nay</i>               | <i>Năm trước</i>             |
| Chi phí lãi vay                             | 36.331.155.974               | 14.128.237.042               |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | -                            | (2.739.000.000)              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b><u>36.331.155.974</u></b> | <b><u>11.389.237.042</u></b> |

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|  | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|--|------------------------------|------------------------------|
|  | <i>Năm nay</i>               | <i>Năm trước</i>             |
| Chi phí nhân công  | 17.085.215.417               | 15.040.710.897               |
| Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và lợi<br>thế thương mại | 19.015.698.707               | 5.114.198.056                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 7.948.900.328                | 5.010.534.562                |
| Chi phí khác   | 9.522.651.834                | 8.240.319.274                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b><u>53.572.466.286</u></b> | <b><u>33.405.762.789</u></b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

|                                      | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                    |
|--------------------------------------|-------------------------|--------------------|
|                                      | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>   |
| <b>Thu nhập khác</b>                 | <b>6.278.328.180</b>    | <b>566.868.803</b> |
| Thu nhập do phạt vi phạm hợp đồng    | 3.984.405.553           | -                  |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 1.090.153.010           | -                  |
| Thu nhập khác                        | 1.203.769.617           | 566.868.803        |
| <b>Chi phí khác</b>                  | <b>540.955.974</b>      | <b>496.053.442</b> |
| <b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>          | <b>5.737.372.206</b>    | <b>70.815.361</b>  |

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|   | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                        |
|---|-------------------------|------------------------|
|   | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>       |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu               | 4.620.564.092           | 3.992.655.876          |
| Chi phí nhân công                           | 47.382.973.678          | 37.484.106.549         |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 99.460.395.051          | 53.184.728.315         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 16.725.859.768          | 11.930.258.667         |
| Chi phí khác                                | 84.814.032.640          | 51.469.326.259         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b>253.003.825.229</b>  | <b>158.061.075.666</b> |

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo tỉ lệ cho từng dự án nhà máy thủy điện, cụ thể như sau:

*Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum*

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế cho đến hết năm 2025. Dự án này cũng được giảm 50% thuế TNDN cho đến năm 2026.

*Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo*

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế đến năm 2033. Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2020 đến năm 2023) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2024 đến năm 2032).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

|   | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | <i>Năm nay</i>               | <i>Năm trước</i>             |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành               | 42.134.957.937               | 30.299.948.791               |
| Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước | -                            | 210.931.706                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b><u>42.134.957.937</u></b> | <b><u>30.510.880.497</u></b> |

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|   | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | <i>Năm nay</i>               | <i>Năm trước</i>             |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                   | 260.417.700.999              | 158.615.750.764              |
| Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con | 44.441.938.763               | 31.723.150.153               |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>                                   |                              |                              |
| Chi phí lãi vay không được khấu trừ                                 | 388.416.227                  | 2.358.261.626                |
| Phân bổ lợi thế thương mại  | 3.277.302.612                | 546.217.102                  |
| Chi phí không được khấu trừ khác                                    | 279.532.419                  | 38.382.000                   |
| <i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>                                   |                              |                              |
| Lỗi năm trước chuyển sang   | (1.049.772.166)              | (2.916.062.090)              |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia   | (1.210.000.000)              | (1.450.000.000)              |
| Thu nhập không chịu thuế khác                                       | (7.576.000)                  | -                            |
| Thuế TNDN được miễn, giảm   | (3.984.883.918)              | -                            |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>  | <b><u>42.134.957.937</u></b> | <b><u>30.299.948.791</u></b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| Bên liên quan                                     | Mối quan hệ                                    | Nội dung nghiệp vụ   | Đơn vị tính: VND |                 |
|---|--|----------------------|------------------|-----------------|
|   |  |                      | Năm nay          | Năm trước       |
| Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Bên liên quan với cổ đông lớn                  | Doanh thu bán điện   | 521.492.949.330  | 286.108.546.023 |
| Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh                      | Công ty mẹ (đến ngày 16 tháng 11 năm 2020)     | Cổ tức công bố       | 76.730.336.000   | 19.182.584.000  |
|   |  | Cho vay ngắn hạn     | 46.000.000.000   | -               |
|   |  | Thu hồi tiền cho vay | 46.000.000.000   | -               |
|   |  | Lãi tiền cho vay     | 203.534.247      | -               |
| Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần        | Cổ đông lớn                                    | Cổ tức công bố       | 38.100.000.000   | 9.525.000.000   |
| Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh    | Công ty liên kết của công ty mẹ cấp 1          | Cho vay ngắn hạn     | 20.000.000.000   | -               |
|   |  | Lãi tiền cho vay     | 637.260.275      | -               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2        | Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 8 năm 2020) | Doanh thu khác       | 36.363.636       | -               |
|   |  | Góp vốn              | 5.880.000.000    | -               |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty bán hàng hóa, cho vay các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay như đã được trình bày ở thuyết minh số 8. Số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

| <i>Bên liên quan</i>  | <i>Mối quan hệ</i>                             | <i>Nội dung nghiệp vụ</i>    | <i>Số cuối năm</i>    | <i>Số đầu năm</i>     |
|---|--|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i></b> |  |                              |                       |                       |
| Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam                 | Bên liên quan với cổ đông lớn                  | Phải thu tiền bán điện       | 62.233.633.924        | 93.526.259.635        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2                        | Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 8 năm 2020) | Phải thu về cung cấp dịch vụ | 40.000.000            | -                     |
|   |  |                              | <b>62.273.633.924</b> | <b>93.526.259.635</b> |

***Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)***

|   |                               |   |                       |   |
|---|-------------------------------|---|-----------------------|---|
| Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Bên liên quan với cổ đông lớn | Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 14.376.833.763        | - |
|   |                               |   | <b>14.376.833.763</b> | - |

Công ty và công ty con cũng có khoản cho vay bên liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

| Tên                      | Chức vụ   | Thu nhập (*)         |                      |
|--------------------------|---|----------------------|----------------------|
|                          |   | Năm nay              | Năm trước            |
| <b>Hội đồng Quản trị</b> |   |                      |                      |
| Ông Nguyễn Quang Quyền   | Chủ tịch HĐQT                                       | 72.000.000           | 72.000.000           |
| Ông Nguyễn Trọng Hiền    | Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2019) | -                    | 72.000.000           |
| Ông Hồ Văn Trung         | Thành viên HĐQT                                     | 72.000.000           | 72.000.000           |
| Ông Lê Tuấn Hải          | Thành viên HĐQT                                     | 72.000.000           | 72.000.000           |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |   |                      |                      |
| Ông Nguyễn Văn Quyền     | Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT                  | 1.116.000.000        | 1.008.000.000        |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường    | Phó Tổng Giám Đốc                                   | 687.000.000          | 600.000.000          |
| Ông Nguyễn Thanh Hải     | Phó Tổng Giám Đốc                                   | 672.000.000          | 587.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         |   | <b>2.691.000.000</b> | <b>2.483.000.000</b> |

(\*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

*Đơn vị tính: VND*

|   | Năm nay                | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|---|------------------------|------------------------------|
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>  | <b>180.948.101.221</b> | <b>126.736.617.185</b>       |
| Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm                                    | -                      | (3.500.000.000)              |
| <b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)</b>           | <b>180.948.101.221</b> | <b>123.236.617.185</b>       |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu        | 63.500.000             | 63.500.000                   |
| <b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b> | <b>63.500.000</b>      | <b>63.500.000</b>            |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 2.850                  | 1.941                        |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu  | 2.850                  | 1.941                        |

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2019 để phản ánh khoản thực trích quý khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết về đầu tư góp vốn**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có cam kết góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền 24.010.000.000 VND theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

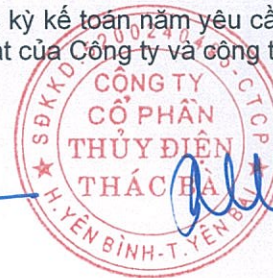
**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 20.4, vào ngày 26 tháng 2 năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 được công bố theo Nghị quyết số 104/NQ-TĐTB-HĐQT.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021